

VIỆT NGỮ - HIỆP SĨ - CẤP XI

*Thiếu nhi Thánh Thể nhiệm màu,
tôn sùng rước lễ, nhà châu viếng thăm.*



Phong trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam tại Pháp - Đoàn Kitô Vua - Paris

Phương pháp dùng sách Việt Ngữ lớp Hiệp Sĩ 11

Các bài trong sách Việt Ngữ lớp Hiệp Sĩ 11 được xếp theo môn học : chính tả, tập đọc, học thuộc lòng khi cần, tập làm văn, văn phạm & ngữ vựng, địa lí, lịch sử Việt Nam.

Giảng viên nên luân phiên, dạy mỗi môn một bài. Ngoài những bài lịch sử phải dạy theo thứ tự thời gian, những bài khác, không bắt buộc dạy theo một thứ tự nhất định.

Chính tả :

Các học sinh lớp HS11 phải phân biệt rõ các vần gần giống nhau. Tuy nhiên, giảng viên cần đọc rõ để giúp các em biết nghe đúng, và viết đúng chính tả.

Học vần, nhịp thơ : giảng viên đọc rõ từng tiếng; cho cả lớp đọc theo. Khi chưa đủ tự tin, học sinh nên học thuộc lòng bài trước để tập đọc thơ cho đúng vần điệu. Cách riêng là thơ lục bát.

Tập đọc và phân biệt từ dấu : giảng viên viết những từ lên bảng ; giảng viên đọc và cho cả lớp đọc theo.

Bài tập :

mỗi học sinh tìm 1 ví dụ (có thể lên bảng viết)

cho cả lớp đọc lại những từ đã viết trên bảng, nhìn và nhớ mặt chữ, sau đó viết chính tả

Bảng vần ở trang 3 giúp các lớp Hiệp Sĩ ôn hoặc học lại khi cần.

Các lớp Hiệp sĩ có mục tiêu : đọc thông thạo, thuộc và sử dụng đúng những câu tục ngữ thông thường, viết chính tả đúng tất cả các vần.

Tập đọc & học thuộc lòng :

Giảng viên đọc bài ca dao một lần, chậm và rõ

Giảng viên giải nghĩa các từ khó

Giảng viên đọc từng câu ; cho cả lớp lặp lại

Khi đọc thơ, ca dao thì cần có vần điệu. Tục ngữ, ca dao, thơ : tập đọc, giải nghĩa trong lớp và cho các em về nhà học thuộc lòng để đọc lại theo vần nhịp.

Đối thoại : Cho học sinh đọc những bài đối thoại trong vai một nhân vật của truyện. Có thể phân nhóm để làm việc.

Vấn xâu : phân công mỗi học sinh đọc một câu, một đoạn, hoặc cả bài.

Tập làm văn, làm thơ

Tìm hiểu một số qui luật gieo vần trong các thể thơ Lục Bát, Thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, thơ tự do, ..

Tập viết những đoạn văn ngắn.

Văn phạm & ngữ vựng :

Trong văn phạm tiếng Việt điều cốt yếu là phải biết dùng đúng một số từ. Lớp HS10 sẽ học cách dùng các từ **là, ở, được, bị** và các **loại từ**.

Trong tiếng Việt, cần biết một số từ Hán Việt, nhất là những từ đã quen dùng đến độ có thể quên rằng chúng bắt nguồn từ tiếng Hán.

Sinh vật, địa lí & lịch sử Việt Nam :

Giảng viên đọc bài hoặc kể chuyện cho cả lớp nghe

Giảng viên giải nghĩa các từ khó

Đặt câu hỏi trên bài ; tập cho các học sinh tự đặt câu khi trả lời (không nên lặp lại những câu đã viết trong bài)

Lưu ý :

Giảng viên cần nhắc các học sinh phải học bài tiếng Việt ở nhà và cho bài tập về nhà.

	Vần ghép từ hai hoặc ba nguyên âm							Vần ghép từ nguyên âm và phụ âm							
								Vần từ nguyên âm + phụ âm mũi (1) (consonnes nasales)				Vần thanh trắc từ nguyên âm + phụ âm miệng (2) (consonnes orales) chỉ đi với dấu sắc hoặc dấu nặng			
	a	e/ê	i	y	o	ơ	u	m	n	nh	ng	c	ch	p	t
a			ai	ay	ao		au	am	an	anh	ang	ac	ach	ap	at
ă								ăm	ăn		ăng	ắc		ấp	ăt
â				ây			âu	âm	ân		âng	âc		âp	ât
e					eo			em	en		eng	ec		ep	et
ê							êu	êm	ên	ênh			êch	êp	êt
i	ia						iu	im	in	inh			ich	ip	it
o	oa	oe	oi					om	on		ong	oc		op	ot
ô			ôi					ôm	ôn		ông	ôc		ôp	ôt
ơ			ơi					ơm	ơn					ơp	ơt
u	ua	ue	ui	uy		uơ		um	un		ung	uc		up	ut
ư	ưa		ưi				ưu				ưng	ưc			ưt
iê							iêu	iêm	iên		iêng	iêc		iêp	iêt
oa			oai	oay	oao			oam	oan	oanh	oang	oac	oach		oat
oă								oăm	oăn			oăc			oăt
oe					oeo				oen						oet
oo											oong				
uâ				uây					uân						uât
uê							uêu			uênh			uêch		
uô			uôi					uôm	uôn		uông	uôc			uôt
uy	uya						uyu			uynh			uych		uyt
uyê									uyên						uyêt
uơ			uơi				uơu	uơm	uơn		uơng	uơc		uơp	uơt

(1) Phụ âm mũi - *consonnes nasales*: khi phát âm các phụ âm này, một phần không khí ra đường mũi. Nếu bịt mũi lại, sẽ phát âm không đúng các phụ âm mũi và vẫn có phụ âm mũi.

(2) Phụ âm răng miệng - *consonnes orales*: khi phát âm các phụ âm này, không khí hoàn toàn ra đường miệng.

Giảng văn, thơ & Tập làm văn, thơ

Thơ lục bát:

Thơ lục bát là một thể thơ Việt Nam có câu đầu gồm sáu tiếng và câu tiếp theo tám tiếng, số câu không giới hạn nhưng cuối bài thơ phải kết thúc bằng câu 8.

Em yêu tiếng Việt

Em yêu tiếng Việt thiết tha,
Sắc, huyền, hỏi, ngã . . . thật là du dương.
Ầu..., ơ..., tiếng mẹ ru thương,
Dịu hiền như sóng đại dương dạt dào.

Cách gieo vần:

Tiếng cuối của câu 6 vần với tiếng thứ sáu của câu 8,
Tiếng cuối của câu 8 vần với tiếng cuối của câu 6 tiếp theo.

Luật bằng trắc :

Luật bằng trắc là những quy định về cách sử dụng tiếng thuộc thanh bằng hay thanh trắc trong thơ lục bát.

Thanh bằng là những tiếng không dấu hoặc có dấu huyền.

Thanh trắc là những tiếng có mang dấu sắc, hỏi, ngã, nặng.

Trong thơ lục bát, luật bằng trắc được áp dụng như sau:

- câu 6 : bằng **bằng** trắc **trắc** bằng **bằng**
- câu 8 : bằng **bằng** trắc **trắc** bằng **bằng** trắc **bằng**

Ngoại lệ:

Luật bằng trắc chỉ bắt buộc phải giữ khi áp dụng cho các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu (các tiếng mang số chẵn trong câu), còn các tiếng thứ nhất, thứ ba, thứ năm có thể dùng bằng hay trắc cũng được.

Bài tập:

Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen
Em được thì cho anh xin
Hay là em để làm tin trong nhà?
Áo anh sứt chỉ đường tà
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu
áo anh sứt chỉ đã lâu
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.

Khâu rồi anh sẽ trả công
Đến lúc có chồng anh lại giúp chọ

Giúp em một thúng xôi vò
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp cho đôi chiếu em nằm
Đôi chăn em đắp, đôi tằm em đeo
Giúp em quan tám tiền cheo
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau

1. *Tìm ra những tiếng vần trong các câu của bài ca dao trên đây .:*
2. *Ghi chữ « B » dưới các tiếng vần bằng và chữ « T » dưới các tiếng vần trắc.*

Chép lại và thêm dấu

Đạo Làm Con

Trưng rông lai nơ ra rông,
Hat thông lai mọc cây thông rươm ra.
Co cha me mới co ta,
Nên người cung bời me cha vun trồng.
Khôn ngoan như ảm cha ông,
Lam nên phai đoai tô tông phụng thờ.
Đạo lam con chơ hưng hơ,
Phai đem hiếu kính ma thơ từ nghiêm.

Giải nghĩa :

- Ấm: phúc lành, điều tốt
- Đoái: tưởng nhớ đến
- Tổ tông: tổ tiên, những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ
- Hưng hờ: thờ ơ, không quan tâm
- Hiếu kính: hiếu thảo, kính trọng cha mẹ
- Từ nghiêm: cha mẹ

Tập làm văn:

Viết ý chính của bài ca dao « Đạo làm con » bằng văn xuôi.

Yêu (Xuân Diệu)

- Yêu, là chết ở trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu?
Cho rất nhiều, song nhận chẳng bao nhiêu:
Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết.

Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt.
Tưởng trắng tàn, hoa tạ với hồn tiêu,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu!
- Yêu, là chết ở trong lòng một ít.

Họ lạc lối giữa u sầu mù mịt,
Những người si theo dấu chân yêu;
Và cảnh đời là sa mạc cô liêu.
Và tình ái là sợi dây vắn vít
Yêu, là chết ở trong lòng một ít.

Biển (Xuân Diệu)

Anh không xứng là biển xanh
Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng
Bờ cát dài phẳng lặng
Soi ánh nắng pha lê...

Bờ đẹp để cát vàng
Thoai thoải hàng thông đứng
Như lặng lẽ mơ màng
Suốt ngàn năm bên sóng...

Anh xin làm sóng biếc
Hôn mãi cát vàng em
Hôn thật khẽ, thật êm
Hôn êm đềm mãi mãi

Đã hôn rồi, hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt...

Cũng có khi ào ạt
Như nghiêng nát bờ em
Là lúc triều yêu mến
Ngập bến của ngày đêm

Anh không xứng là biển xanh
Nhưng cũng xin làm bể biếc
Để hát mãi bên gành
Một tình chung không hết

Để những khi bọt tung trắng xoá
Và gió về bay toả nơi nơi
Như hôn mãi ngàn năm không thoả,
Bởi yêu bờ lắm lắm, em ơi!

Cái quạt (Nguyễn Bính)

Cái quạt mười tám cái nan
Anh phất vào đấy muôn vàn nhớ nhung
Gió sông, gió núi, gió rừng
Anh niệm thần chú thì ngừng lại đây.

Gió Nam Bắc, gió Đông Tây
Hãy hầu công chúa thâu ngày, thâu đêm
Em ơi công chúa là em
Anh là quan trạng đi xem hoa về

Trên gò có vẩy tê tê
Đôi bên ước thề duyên hãy tròn duyên
Quạt này trạng để làm tin
Đêm nay khép mở tình duyên với nàng.

Thơ Xuân (Nguyễn Bính)

Đây cả mùa xuân đã đến rồi
Từng nhà mở cửa đón vui tươi.
Từng cô em bé so màu áo
Đôi má hồng lên, nhí nhảnh cười.

Và tựa hoa tươi, cánh nở dần,
Từng hàng thực nữ dậy thì xuân
Đường hương thoả thức lòng quân tử
Vó ngựa quen rồi ngõ ái ân.

Từng gã thư sinh biếng chải đầu
Một mình mơ ước chuyện mai sau,
Lên kinh thi đỗ làm quan trạng,
Công chúa cài trâm thả tú cầu

Có những ông già tóc bạc phơ
Rượu đào đôi chén, bút đề thơ
Những bà tóc bạc, hiền như Phật
Sắm sửa hành trang trẩy hội chùa.

Pháo nổ đâu đây, khói ngợp trời
Nhà nhà đoàn tụ dưới hoa tươi,
Lòng tôi như cánh hoa tiên ấy
Một áng thơ đề nét chẳng phai.

Cảm tác (Hàn Mặc Tử)

Thường thường trâu cột ghét trâu ăn
Vạch lá tìm sâu ngó dữ dần
Nhát khỉ rung cây cho bồ ghét
Úp voi lấy thúng quyết làm hăng
Chờ con nước đục cò đi rảo
Đợi lúc canh khuya chó sủa rân
Thù oán nhau chi gà một mẹ
Rồi đây vẽ rắn lại thêm chân

Mẹ (Xuân Quỳ)

Mẹ cho con cả cuộc đời
Tình thương thấm đượm vào lời mẹ ru
Mong con chóng lớn từng giờ
Dạy con từ thuở còn thơ nên người
Dạy con học nói học cười
Dạy con lên Bắc lại rồi về Đông
Dạy con phận gái sang sông
Đò ngang sóng cả bằng bằng Mẹ ơi!

Bây giờ xa cách mẹ rồi
Liệu khi vụng dại biết nhờ cậy ai

Tự trào (Trần Tế Xương)

Lúc túng toan lên bán cả trời
Trời cười thằng bé nó hay chơi
Ô hay công nợ ầu là thế
Mà vẫn phong lưu suốt cả đời
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm
Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi
Còn dăm ba chữ nhồi trong bụng
Khéo khéo không mà nó cũng rơi

Tiếng Thu (Lưu Trọng Lư)

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thổn thức?
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rừng thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

Lục bát về Cha

Cánh cò cõng nắng qua sông
Chở luân nước mắt cay nồng của cha
Cha là một dải ngân hà
Con là giọt nước sinh ra từ nguồn

Quê nghèo mưa nắng trào tuôn
Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm
Thương con cha ráng sức ngâm
Khổ đau hạnh phúc nảy mầm thành hoa.

Lúa xanh xanh mướt đồng xa
Dáng quê hoà với dáng cha hao gầy
Cánh diều con lướt trời mây
Chở câu lục bát hao gầy tình cha.

Thích Nhuận Hạnh

Công cha nghĩa mẹ sinh thành

Chuyện đời lắm lúc trở trêu
Đau thương vì bởi chữ nghèo trong ta
Dù sao cũng nhớ mẹ già
Dày công chăm sóc thiết tha nghĩa tình.

Cha là ánh sáng bình minh
Mẹ như trăng sáng lung linh đêm tàn
Cho con cuộc sống huy hoàng
Với bao mơ ước ngập tràn yêu thương.

Dẫu con luôn sống tha phương
Vẫn luôn ghi nhớ đoạn trường mẹ qua
Biển trời rộng lớn bao la
Nhưng không sánh nổi nghĩa cha cao vời.

Mẹ ơi con đã cạn lời
Mong sao chữ hiếu một đời xứng danh
Cảm ơn cha đã chân thành
Cho con cuộc sống trong xanh với đời.

Phải làm gương cho con cái noi theo

Một buổi chiều mùa đông tuyết rơi nặng hạt, một người đàn ông say rượu lão đảo trên lớp tuyết dày. Quay lại nhìn, ông thấy đứa con trai mười tuổi của ông đang đi theo bước chân thất thường của ông.

Ông hỏi: - Con làm gì thế?

Đứa con trả lời: - Thừa ba, con bước theo bước chân của ba!

* Chúng ta, bác bậc cha mẹ có muốn con cái mình bước theo vết chân của mình không? Con cái sẽ không bao giờ lương thiện thật thà khi mà cha mẹ chúng thường nói dối và lường gạt, vì chúng thường đi theo vết chân của cha mẹ mình. Cha mẹ nào cũng muốn con cái mình nên người, vì vậy cha mẹ phải cẩn thận trong nếp sống của mình sao nên gương mẫu cho chúng bước theo. Nên nhớ, con cái hay bước theo bước chân của cha mẹ, như cậu bé bước theo bước chân say sưa của người cha trong chuyện này, thật bất hạnh cho đời nó trong tương lai biết bao!

Cái ghế ngã

Cái ghế ngã. Một người say loạn choạng đứng lên đã xô nó ngã. Nó lộn một số vòng. Ban đầu chống bốn chân lên trời. Sau thì chĩa bốn chân ra đường. Nó thôi nằm ngửa. Mà nằm nghiêng.

Người xô nó ngã không đỡ nó dậy. Nó nằm im. Một người lớn đi qua. Mặc kệ. Hai người lớn đi qua. Mặc kệ. Rồi có một cô bé đi ăn sáng bước vào quán. Cô kéo chiếc ghế dậy và ngồi lên. Cái ghế cảm thấy đỡ tủi nhục. Với đầu óc của một chiếc ghế, nó kết luận: Đa số người lớn là kẻ xấu. Chỉ có trẻ em là còn tốt.

Thực tế là thế này: Cô bé vào hàng ăn, hết ghế. Còn duy nhất một chiếc ghế nằm đó. Và cô dựng nó dậy. Không biết nếu không hết ghế cô bé có dựng nó lên không.

Chuyện thật là tũn mủn. Chẳng có gì đáng kể. Chỉ có chiếc ghế. Nó đã ngã, đã được dựng lên vì lòng trắc ẩn hay một mục đích nào đó. Nhưng nó đã có một cái kết luận không lấy gì làm hay ho. Rất có thể một ngày kia, nó sụp xuống. Và người ngồi lên nó sẽ chịu một hậu quả nào đó từ mối hồ nghi của nó. Có thể là một cú ngã bình thường, có thể là một án mạng.

Con người không đề phòng chiếc ghế sau khi đã xô nó ngã và thờ ơ với nó. Họ sẽ coi tai họa là chuyện ngẫu nhiên. Chỉ có chiếc ghế mới biết, cũng như cô bé kia mới biết, mình hành động do vô tình hay bởi một tâm thức bị/được ám ảnh bởi hận thù/tình yêu thương.

18.08.03 (Nguyễn Thế Hoàng Linh)

Mảnh Vỡ

Chẳng biết đây là lần thứ mấy ba mẹ nó cãi nhau. Chị em nó đứa nép vào góc tủ, đứa lấp ló ngoài cửa ra vào, không khí đang lắng xuống chút ít, chị em nó đỡ lo hơn.

Bỗng, Xoảng ! mẹ nó lại giãy nảy, chạy đến bên ba nó giơ tay giữ lấy chiếc cốc còn lại. Chị em nó cũng ủa vào phụ họa với mẹ giữ lấy ba. Mẹ thì uất ức trong lòng, nó thấy cay xe sống mũi, em nó mếu máo chực khóc òa. Mẹ nó thả người xuống salon

tắm tức khóc, ba nó bỏ vào giường. Hai chị em nó len lén đến bên đồng mảnh vỡ của chiếc cốc, nhặt lên mà tay run run. Chúng nhìn nhau, nhìn mẹ rồi đứa lớn kéo tay em ra đường.

Hai đứa đi thật xa và ném những mảnh vỡ ấy vào sọt rác bên đường. Chúng thật ngây thơ khi nghĩ rằng : ngày mai lao công đến và mang nó đi xa, thật xa ra khỏi nơi này, sẽ chẳng còn những mảnh vỡ nào trong gia đình chúng nữa.

Về đến nhà, ba mẹ chúng vẫn còn thức và ngồi đợi chúng ở salon. Ba chìa tờ giấy cho mẹ, mẹ lập cập viết gì vào đó rồi chạy đến bên chúng ôm hai đứa vào lòng và khóc. Nó chợt hiểu ra một điều, ba mẹ nó đã quyết định ly hôn. Chị em nó thật ngây thơ khi nghĩ rằng vứt những mảnh vỡ ấy đi thì sẽ chẳng còn mảnh vỡ nào nữa, nhưng chúng đã lầm. Từ nay và mãi về sau những mảnh vỡ trong tâm hồn chúng vẫn còn vì một gia đình không hạnh phúc.

Minh Tâm

Sự kiên nhẫn

Một chàng trai trẻ đến gặp một chuyên gia về đá quý và nói về ước mong được trở thành một nhà nghiên cứu về đá quý. Chuyên gia nọ từ chối vì ông sợ rằng chàng trai không đủ kiên nhẫn để theo học. Chàng trai cầu xin một cơ hội. Cuối cùng, vị chuyên gia đồng ý và bảo chàng trai : “Ngày mai hãy đến đây”.

Sáng hôm sau, vị chuyên gia đặt một hòn ngọc bích vào tay chàng trai và bảo chàng hãy cầm nó. Rồi ông tiếp tục công việc của mình : mài đá, cân và phân loại đá quý. Chàng trai ngồi yên lặng và chờ đợi.

Buổi sáng tiếp theo, vị chuyên gia lại đặt hòn ngọc bích vào tay chàng trai và bảo chàng cầm nó. Ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm sau đó vị chuyên gia vẫn lặp lại hành động trên.

Đến ngày thứ sáu, chàng trai vẫn cầm hòn ngọc bích nhưng chàng không thể im lặng được nữa.

- Thưa thầy - chàng trai hỏi - khi nào thì em sẽ bắt đầu học ạ ?
- Con sẽ được học - vị chuyên gia trả lời và tiếp tục công việc của mình.

Vài ngày nữa lại trôi qua và sự thất vọng của chàng trai càng tăng. Một ngày kia, khi vị chuyên gia bảo chàng trai đưa tay ra, chàng định nói với ông ta rằng chàng chẳng muốn tiếp tục việc này nữa. Nhưng khi vị chuyên gia đặt hòn ngọc bích lên tay chàng trai, chàng nói mà không cần nhìn viên đá :

- Đây không phải là hòn đá con vẫn cầm !
- Con đã bắt đầu học rồi đấy - vị chuyên gia nói.

Bài làm

(có thể phân nhóm làm việc sau đó mỗi nhóm trình bày trước cả lớp để làm việc chung)

- Giới thiệu các nhân vật và mối liên hệ giữa họ;
- Tóm lược câu chuyện; Phân tích ý tưởng mà câu chuyện chuyên chở;
- Phân tích cách viết, từ ngữ được dùng.

Bạn Lộc

Tác Giả: Xuân Quỳnh

Các bạn lớp tôi thường gọi Lộc là “Lộc còi” vì Lộc bé lấm, mười một tuổi mà bằng đứa chín tuổi. Hẳn vì “còi” nên Lộc có vẻ yếu, thường hôm nào học năm tiết, tiết học hát cuối cùng là Lộc hát chẳng ra hơi, có khi cứ dựa vào tập thể mà Lộc chỉ lí nhí hoặc mấp máy mồm hát theo thôi. Người ta bảo thể lực yếu thì thường học kém, thế mà Lộc học chẳng kém. Còn tôi, trông tôi có vẻ cao lớn hơn Lộc thì học lại chẳng giỏi giang gì. Tôi kém nhất là môn Toán. Cô giáo phân công Lộc giúp đỡ tôi về môn này. Không hiểu sao, mỗi lần giúp tôi học, Lộc thích đến nhà tôi hơn là tôi đến nhà Lộc. Nói cho đúng thì từ đầu năm học, tôi chưa đến nhà Lộc lần nào. Tính Lộc rủ rỉ ít nói. Mẹ tôi rất mến Lộc. Mẹ thường hay nêu Lộc để làm gương cho tôi. Mẹ làm tôi lấm khi tự ái. Mẹ nói là Lộc bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp cẩn thận... Có thể những điều trên mẹ tôi nói đúng, nhưng riêng cái điểm cẩn thận thì tôi không chịu. Tôi nghĩ rằng Lộc “ky bo” thì có. Cả lớp tôi chúng nó đều nhận xét thế. Lộc có cái cặp xách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp. Có cái bút máy Trường Sơn nét đã to bè, thế mà cứ viết viết cật cật chi chút, chỉ dám viết cái bút ấy vào những buổi kiểm tra bài, còn ngày thường thì Lộc viết bút chấm mực. Có một số bạn trong lớp hay trêu Lộc là “Lộc ky”, “Lộc cộc đuôi”... Mỗi lần như vậy Lộc chỉ mỉm cười hiền lành. Khi nào tức quá thì Lộc tách khỏi chúng tôi, đi lùi lùi một mình.

Một hôm, tôi tự giải một bài toán ở nhà không sao giải được. Tôi tìm đến nhà Lộc trước giờ đến lớp buổi chiều. Vừa bước vào nhà, tôi trông thấy một người đàn ông tóc đã điểm bạc đang ngồi loay hoay giữa một đồng dép nhựa ở góc nhà. Tôi đoán là bố Lộc:

- Cháu chào bác... Bạn Lộc có nhà không ạ?

Người đàn ông ngẩng lên nhìn về phía tôi, tôi chợt nhận ra trong hai con người của bác có hai điểm trắng nhỏ. Bác lên tiếng gọi:

- Lộc ơi, có bạn con đến này.

Lộc từ máy nước chạy vào, hai ống tay áo còn ướt sũng:

- A, Hoàng! Sao đến sớm thế? Còn lâu mới tới giờ học.

- Biết rồi, tớ muốn hỏi cậu một bài toán.

- Chờ tớ một tý nhé.

Nói rồi Lộc chạy ra chỗ máy nước.

- Cái thằng Lộc nhà bác nó mến cháu lắm đấy – Chắc sợ tôi chán vì phải chờ Lộc nên bố Lộc chuyện trò với tôi – Cháu ở phố Nguyễn Đình Chiểu phải không?

- Vâng.

- Đấy, cháu thấy chưa. Bác chưa đến nhà cháu bao giờ mà đã biết rõ cháu ở đâu, còn biết cả mẹ cháu làm ở nhà máy dệt kia. Thằng Lộc nó nói rất nhiều về cháu với bác.

Vừa lúc đó Lộc chạy vào:

- Con giặt xong rồi bố ạ. – Rồi Lộc quay sang tôi – Nào, bây giờ chúng mình học.

Lộc giảng cho tôi cách giải bài toán một cách dễ dàng và đơn giản đến mức tôi cảm thấy như đang lẽ ra chính tôi cũng giải được như thế. Chẳng qua tôi lơ đãng một chút thôi.

Khi chúng tôi vừa ra khỏi cửa, Lộc còn quay lại dặn bố:

- Mướp con gọt rồi. Quần áo bố, con phơi trên sân thượng, nếu mưa bố để ý cất hộ con. Thôi, chúng con đi học đây.

- Được rồi, các con cứ đi đi.

Ra tới trường, tôi nói với Lộc:

- Ở nhà tớ, mẹ tớ giặt hết. Tớ chả bao giờ phải giặt. Sao mẹ cậu không giặt cho cậu?

- Mẹ tớ chết lâu rồi. Mà cậu thấy đấy: bố tớ thì sắp bị lừa. Bác sĩ bảo là bị “đục thủy tinh thể”. Trước kia, bố tớ cũng là thợ tiện đấy chứ. Bây giờ thì nghỉ ở nhà, sửa dép cho hợp tác xã. Buổi tối về, tớ cũng phải làm thêm giúp bố. Tớ đang lo bố tớ mà mù hắt thì tớ sẽ sống ra sao. Chắc chả tiếp tục học được nữa.

- Bố cậu sẽ khỏi thôi. – Thấy Lộc có vẻ lo lắng, tôi an ủi Lộc – Mẹ tớ bảo ở Viện mắt bây giờ người ta giỏi lắm, chữa ối người đã mù hắt thành người sáng.

- Ủ, tớ cũng nghe nói thế.

Nói vậy nhưng hình như Lộc chưa tin chắc vào điều đó. Lộc vẫn có vẻ lo buồn lắm. Tôi thấy thương yêu Lộc hơn từ hôm ấy và tôi đã hiểu được mọi điều tôi nghĩ chưa đúng về Lộc. Chúng tôi gắn bó với nhau, chú ý giúp đỡ nhau nhiều hơn.

Cuối học kỳ hai, Lộc báo cho tôi một tin chẳng vui gì:

- Bố tớ sắp mù hắt rồi. Viện mắt người ta bảo phải mổ mới khỏi. Mấy hôm nữa bố tớ vào viện. Tớ phải làm thay cả phần việc của bố ở nhà để kiếm sống, lại còn phải chăm sóc bố nữa chứ. Chắc tớ chả tiếp tục học được nữa. – Lộc giúi vào tay tôi cái bút Trường Sơn – Cậu cầm lấy cái này mà dùng, tớ giữ mà không dùng nó phí đi!

Lúc này giọng Lộc đã hơi run run, không còn bình tĩnh như trước. Tôi nắm chặt tay Lộc và nói:

- Cậu cứ giữ lấy cái bút này. Cậu cần phải tiếp tục học. Tớ sẽ giúp cậu trong thời gian bố cậu vào bệnh viện. Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình sẽ học cùng làm. Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được. Mẹ tớ sẽ rất vui lòng nếu như tớ giúp được cậu. Mẹ tớ quý và thương cậu lắm.

Hôm sau, cuối buổi học, Lộc cứ nài nỉ tôi rẽ qua về nhà Lộc một chút vì bố Lộc muốn gặp tôi. Khi tôi tới nơi, bác đã chờ sẵn ở cửa. Tôi vừa chào bác, bác đã kéo tôi lại gần ôm choàng lấy tôi, bác nói:

- Lộc nó đã nói hết với bác rồi. Cháu ngoan quá, tốt quá. Cháu học cùng lớp với em. Bác mong cháu che chở giúp đỡ nó. Khổ thân, nó bé bỏng và yếu đuối lắm!

Tôi nhìn hai giọt nước mắt lăn từ đôi mắt mờ đục của bác. Tôi nghẹn ngào nín lặng không nói được câu gì.

Ý nghĩa cuộc đời

Ngày mở mắt chào đời, chúng ta đã được những khuôn mặt thân thương đón nhận, trong sự nhộn nhịp vui tươi đầy nụ cười và niềm hi vọng. Rồi chúng ta lớn lên trong mái ấm gia đình. Thầy cô giáo dìu dắt hướng dẫn chúng ta học tập. Mỗi người đều có những mối **tương giao**, nâng đỡ của bạn bè, bà con thân thuộc. Chúng ta có một khung cảnh thiên nhiên quen thuộc. Một nếp văn hóa trong một xã hội nhỏ bé. Chúng ta có tình thương và những niềm vui trong cuộc sống. Lẽ dĩ nhiên mỗi người đều không tránh khỏi những giây phút bức mình, đau khổ, **bí quan**. Mỗi một đời người là một quyển **tiểu thuyết** dài nếu được viết ra chắc không thiếu phần lí thú.

Với tình cảm tự nhiên này, con người còn mang một **bản năng sinh tồn**. Nhờ đó, mỗi người đã đóng góp ít nhiều vào việc xây dựng xã hội, quê hương. Những đóng góp, phát triển đã được **tích lũy** từ thế hệ này đến thế hệ khác. Nó làm cho đời sống ngày càng tiến bộ và tốt đẹp hơn. Loài vật tuy vẫn sinh tồn, nhưng không hề có một tiến bộ nào trong cuộc sống. Loài chim, loài kiến, loài ong đều có làm tổ, nhưng chúng chỉ làm theo bản năng, đời đời không hề thay đổi. Loài người, nhờ có trí thông minh, óc sáng tạo nên con người đã thay đổi bộ mặt của trái đất đi rất nhiều. Bên cạnh có những thay đổi nhanh chóng về các phương tiện kĩ thuật phục vụ cho đời sống.

Biết rằng ai ai cũng phải chết thì lúc sống mỗi người phải cố gắng đóng góp việc làm bé nhỏ của mình vào sự trường tồn cho quốc gia, xã hội. Hãy hãnh diện rằng mình đã được may mắn sinh ra trong một thời gian và không gian tốt đẹp. Hãy biết ơn gia đình và tổ quốc. Đừng quá ích kỷ, hãy hết lòng đóng góp vào lợi ích chung cho nhân loại. Được như thế cuộc đời của chúng ta sẽ có một **ý nghĩa** vô cùng cao đẹp.

Theo Nguyễn Thanh Liêm (Giai phẩm Ý Dân, Xuân Tân Ty 2001)

Giải nghĩa:

- *Tương giao* : giao thiệp, kết thân với nhau
- *Bí quan* : buồn chán
- *Tiểu thuyết* : chuyện viết ra do trí tưởng tượng
- *Bản năng sinh tồn* : phản ứng tự nhiên bắt buộc mọi sinh vật phải tranh đấu để sống
- *Tích lũy* : chất chứa, để dành
- *Ý nghĩa* : sự thích đáng, lẽ phải, nghĩa lí

Người Việt Ngày Nay

Trong chuyến viếng thăm Việt Nam, tổng thống Hoa Kỳ **William Jefferson Clinton** đã đọc diễn văn tại trường Đại Học Quốc Gia tại Hà Nội ngày 17 tháng 11 năm 2000. Trong đó ông đã nêu lên những đức tính và khả năng của người Việt Nam như sau:

Chúng tôi tin rằng nhân dân Việt Nam có tài năng để thành công trong thời đại **toàn cầu** mới mẻ này như họ đã thành công trong quá khứ. Chúng tôi biết điều này vì chúng tôi đã chứng kiến tài năng và tính thông minh **tháo vát** của người Việt định cư ở Mỹ. Người Mỹ gốc Việt đã trở thành các **viên chức dân cử, chánh án**, những người lãnh đạo trong các **lĩnh vực** khoa học và trong các ngành công nghệ kỹ thuật cao của chúng tôi. Năm ngoái, một người Mỹ gốc Việt đã có một **sáng kiến** toán học giúp cho việc thực hiện kỹ thuật điện thoại có hình ảnh được dễ dàng hơn. Và toàn thể nước Mỹ đều chú ý khi Hoàng Như Trần tốt nghiệp **thủ khoa** trường Võ Bị Không Quân Hoa Kỳ...".

Chúng ta vui mừng và tự hào khi được một vị nguyên thủ quốc gia hùng mạnh nhất thế giới ca ngợi. Người Việt chúng ta hãy học hỏi và cố gắng vươn lên để đạt được thành quả tốt đẹp hơn nữa trong tương lai.

Giải nghĩa :

- *Toàn cầu : toàn thế giới.*
- *Thời đại toàn cầu : thời kì mà các nước có sự liên lạc chặt chẽ trên nhiều phương diện.*
- *Tháo vát : khả năng giải quyết nhanh những việc khó khăn.*
- *Viên chức dân cử : người làm việc trong chính quyền do dân bầu ra.*
- *Chánh án : người đứng đầu trong tòa án chịu trách nhiệm xử kiện.*
- *Lĩnh vực : phạm vi, công việc riêng của một ngành, nghề.*
- *Sáng kiến : tìm ra điều mới mà chưa ai biết.*
- *Thủ khoa : người đỗ đầu khoá thi.*
- *Nguyên thủ quốc gia : người đứng đầu một nước*

Câu hỏi & thảo luận :

Thầy cô chia học sinh ra nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau :

- 1- Vì sao tổng thống Clinton tin rằng người Việt sẽ thành công ?
- 2- Người Pháp gốc Việt đã thực sự thành công hay không ? Tại sao ?
- 3- Em nghĩ sao về chính mình, là người Việt hay là người Pháp ?

Tết Nguyên đán

Phong tục cổ truyền và nét đẹp ngày Tết Việt Nam

Bích Ngân

(trích từ Trí Thức Việt Nam – 26/01/2017)

Với vai trò là dịp lễ quan trọng nhất trong văn hóa Việt Nam, Tết Nguyên Đán vẫn mang trọn những nét đẹp truyền thống dù trải qua biết bao năm tháng.

Đối với người dân đất Việt, Tết không chỉ là dịp để quây quần sum họp bên gia đình, mà còn là thời điểm để bảo tồn bản sắc dân tộc qua việc duy trì những phong tục cổ truyền. Tùy theo mỗi vùng miền, hoặc theo những quan niệm về tôn giáo của người Việt, các phong tục tập quán ở từng địa phương thường có chút khác biệt.

Nhưng xét về tổng thể, điểm chung của phong tục ngày Tết chính là được phân làm ba khoảng thời gian : Tết niên, Giao thừa và Tân niên. Mỗi khoảng thời gian ứng với những sự chuẩn bị, ứng với những lễ nghi hay ứng với những hình thức thể hiện khác nhau.

Tiến ông Công công Táo về trời

Cứ đến ngày 23 tháng Chạp, các gia đình Việt Nam sẽ dọn dẹp sạch sẽ nhà bếp để cúng ông Công, ông Táo. Lễ cúng truyền thống phải có cá vàng để tiễn ông về trời, mong ông sẽ báo cáo với Ngọc Hoàng những điều tốt vì theo quan niệm dân gian đây là ngày mà Ngọc Hoàng sẽ trách phạt hay thưởng gia chủ dựa trên những gì mà ông Táo báo cáo.



Dọn dẹp nhà cửa

Công việc dọn dẹp ngày Tết có ý nghĩa là để chuẩn bị “tiễn năm cũ, đón năm mới”. Trong ngày này, tất cả đồ đạc trong nhà sẽ được đem ra chùi rửa thật sạch sẽ, chén bát mới sẽ được chuẩn bị sẵn cho mâm cỗ ngày tết, các vật dụng trưng bày cũng được đem ra bày biện trang hoàng cho nhà cửa trông mới mẻ hơn.

Ngoài ra đây cũng là lúc chúng ta xem lại các món nợ cần phải trả, nếu có đủ khả năng thì buộc phải trả trước Tết, không nên để qua năm mới.

Đi chợ tết

Người xưa đi chợ Tết chủ yếu là để mua lá dong, mua thịt, mua hành gói bánh chưng. Người Việt còn có thú chơi hoa và bày mâm ngũ quả ngày Tết.

Các loài hoa ưa chuộng không thể thiếu ngày Tết đó là hoa đào, hoa mai, hoa hải



đường, thực dược, ... Mâm ngũ quả thì tùy thuộc vào vùng miền mà có các loại quả khác nhau. Tất cả đều mang ý nghĩa : vạn sự như ý, an khang thịnh vượng, phúc lộc tràn đầy, ...



Xin chữ

Khi đi chợ Tết, người ta cũng không quên qua cổng chợ xin chữ thầy đồ, có thể là câu đối hoặc một chữ duy nhất. Người xưa thường xin chữ về thờ với mong muốn con cháu được học con chữ mà thành người. Chữ được yêu thích nhất thường là chữ Tâm, Phúc, Đức, An, Lộc,...

Thăm mộ tổ tiên

Trước Tết, con cháu trong gia tộc sẽ tranh thủ tề tựu đông đủ, cùng nhau đi thăm và quét dọn mồ mã tổ tiên. Mỗi gia đình đều đem theo hương đèn, hoa quả để cúng, mời vong linh tổ tiên về ăn Tết với con cháu, cùng nhau ôn lại những kỉ niệm của năm cũ, ước mong những điều tốt lành cho năm mới sắp đến.

Gói bánh chưng, bánh tét

Bánh chưng là một phong tục có từ nền văn minh lúa nếp đời vua Hùng Vương thứ 18. Ngày nay, vào tầm 28 – 29 Tết, các gia đình Việt Nam thường tụ tập gói bánh chưng, bánh tét để làm quà biếu Tết hoặc để thưởng thức trong gia đình. Phải là người có bàn tay vô cùng khéo léo mới có thể gói bánh thật đẹp và thật chặt, nếu không bánh sẽ nứt và thấm nước, gây nhão bánh.



Cúng giao thừa

Cúng giao thừa thường phải làm hai lễ, một lễ cúng trong nhà và một lễ cúng ngoài trời. Sở dĩ người Việt Nam làm lễ cúng giao thừa vì niềm tin rằng: Một năm bắt đầu, ắt phải có kết thúc. Ý nghĩa của buổi lễ cũng là: bỏ hết đi những ân oán năm cũ, nghênh đón năm mới đến với tài lộc và những điều tốt đẹp. Mâm cúng giao thừa không cần thịnh soạn, với ý nghĩa tiễn năm cũ đón năm mới.

Hái lộc

Sau khi cúng giao thừa, người dân Việt Nam sẽ chọn giờ tốt để xuất hành và đi hái lộc, với mong ước một năm mới luôn may mắn và viên mãn, rước lộc về nhà.





Đi lễ chùa đầu năm

Đi lễ chùa đầu năm không đơn giản để ước nguyện mà đó còn là thời gian để mọi người tìm về với chốn tâm linh sau những ngày tháng vất vả mưu sinh, mong tìm được sự bình an, gạt bỏ đi những muộn phiền, lo âu của năm cũ. Người đi lễ phải ăn vận chỉnh tề, phù hợp với chốn tôn nghiêm.

Người công giáo cũng vậy, tuy không đi chùa nhưng thường đến nhà thờ dự thánh lễ Giao Thừa (đêm 30 Tết) và lễ Minh niên (sáng mùng 1 Tết).

Xông đất

Người Việt quan niệm rằng, người xông đất sẽ quyết định cả một năm vui vẻ, phát đạt hay không may mắn của mình. Vì thế, họ thường mời những người có vận may, có tuổi hợp với chủ nhà đến xông đất. Người xông đất phải ăn mặc chỉnh tề, sau đó phải đi hết một vòng quanh nhà với hi vọng may mắn sẽ luôn tràn ngập khắp nhà gia chủ.



Người đến xông đất phải đi trọn một vòng quanh nhà với mong muốn phúc lộc tràn đầy.

Chúc Tết

Có thể nói, chúc tết là nét văn hóa vô cùng độc đáo và không thể thiếu trong ngày Tết. Khi đi chúc tết, ai nấy đều mặc đồ đẹp, thường là chọn màu đỏ mang ý nghĩa may mắn, và mang theo quà cáp để mừng cho gia chủ.

Văn hóa ngày Tết của người Việt còn có câu : “Mồng một lễ cha, mồng hai lễ mẹ, mồng ba lễ thầy”. Cha tượng trưng cho bên nội, mẹ là bên ngoại, còn thầy đại diện cho những người đã giúp cho ta hiểu biết.

Mừng tuổi

Ngày Tết, người Việt Nam có phong tục lì xì cho trẻ em với mong ước các em vui vẻ, hạnh phúc và chăm ngoan học giỏi. Phong bao lì xì màu đỏ cũng tượng trưng cho sự may mắn, phúc lộc an khang. Trong văn hóa Trung Hoa, ai chưa lập gia đình sẽ vẫn được coi là trẻ em và được phép nhận phong bao lì xì.

Trải qua ngày Tết mới thấy, phong tục ngày tết không phải là hình thức, mà chúng đề cao vẻ đẹp của tâm hồn, vẻ đẹp cội nguồn văn hoá của dân tộc Việt.

Dù đi xa mấy nhưng cứ đến ngày này, người người đều cố gắng trở về quê hương đoàn viên cùng với gia đình. Dù bao nhiêu năm trôi qua, những người con đất Việt vẫn không quên đi cội nguồn, mỗi ngày đều góp phần xây dựng và bảo trì nền văn hóa truyền thống đẹp đẽ.

Giải nghĩa :

- *Phong tục* : thói quen, tục lệ đã ăn sâu vào đời sống xã hội
- *Thuần phong* : những phong tục tốt
- *Khai* : mở đầu
- *Tổng cựu* : tiễn cái cũ
- *Nghênh tân* : đón cái mới
- *Giao thừa* : 12 giờ đêm ba mươi Tết ; thời khắc năm âm lịch cũ qua, năm âm lịch mới đến
- *Tài* : khả năng đặc biệt, sự thành thạo trong một công việc nào đó
- *Phát tài* : kiếm được nhiều tiền, làm ăn khá giả
- *Phúc* : điều mang lại những sự tốt lành về mặt tinh thần, tình cảm
- *Lộc* : cửa trời ban cho, cành lá non
- *Thọ* : sống lâu
- *Truyền thống* : cách suy nghĩ, cư xử, lối sống được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác

Trao đổi :

Bài này tương đối dài nhưng không khó hiểu. Có thể làm vào dịp Tết để giải thích cụ thể những biến chuyển trong sinh hoạt cộng đồng.

- *Gia đình em chuẩn bị Tết như thế nào ? Nêu ra những gì tương tự như trong bài viết.*
- *Em đã từng ăn Tết tại Việt Nam chưa ? Nếu có thì cho biết cảm nghĩ.*
- *Giáo xứ Việt Nam Paris thường cũng có những sinh hoạt mừng Xuân. Em có thể kể ra. Em đã từng tham gia những sinh hoạt đó hay chưa ? Nếu có, hãy kể lại.*

Chính tả :

Có thể chọn 1 đoạn văn trong bài.

Tập viết văn :

Em nhớ gì về ngày Tết khi còn bé. So với hiện nay, những suy nghĩ, tình cảm của em chắc chắn có nhiều thay đổi đối với việc mừng Xuân.

Hãy viết lên suy nghĩ của em (200 – 300 từ).

Tập làm văn KỂ CHUYỆN

Kể chuyện là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.

Phần mở bài:

Giới thiệu không gian, thời gian của câu chuyện.

Phần thân bài:

Kể lại những yếu tố cơ bản của câu chuyện :

Sự việc: cần xác thực.

Nhân vật: người làm ra sự việc, gồm nhân vật chính và nhân vật phụ.

Cốt truyện: sắp xếp theo thứ tự thời gian.

Người kể có thể là một nhân vật trong câu chuyện hoặc người kể vắng mặt.

Phần kết luận:

Ý nghĩa của câu chuyện. Từ câu chuyện đó, em rút ra được bài học gì.

BÀI TẬP

Em hãy kể lại một sự kiện đặc biệt đã thấy (mưa bão, lụt, chuyến du lịch, bữa tiệc vui Tết trong gia đình, ...).

Dưới đây là 2 bài văn mẫu. Giảng viên cho học sinh đọc, xem xét cách viết, từ ngữ sử dụng để sau đó viết ra một bài văn.

BÀI VĂN MẪU 1

Một trận bão lụt quê em

Mùa mưa đến rồi, mùa mưa kéo theo những cơn lũ lụt và gió bão. Trên ti vi, lúc nào cũng thấy cảnh chết chóc đau thương khiến em phải xúc động nghẹn ngào. Quê em còn lạ gì cảnh đó. Dư âm của trận lũ lụt năm 2009 vẫn còn đọng lại trên mỗi người dân nơi này.

Trước đó, quê em rất ít bão lụt, vì vậy nên khi nghe nói bão mọi người vẫn không chuẩn bị nhiều. Đó là một điều phải hối hận vì chỉ vài ngày sau khi thông báo, khắp bầu trời bị mây đen che khuất và những cơn mưa bắt đầu. Mưa lớn tới rất bất ngờ, hôm qua còn nắng mà hôm nay đã mưa dầm dề. Bất ngờ, lớn và kết hợp với gió bão đã làm người dân điêu đứng vì không kịp trở tay. Chỉ trong một ngày mà nước đã ngập trắng cả ruộng đồng. Đêm hôm lũ đến, cả nhà em không ai dám ngủ. Điện đóm đã bị cúp hết, trong ánh đèn dầu mờ ảo, khuôn mặt của mọi người hiện lên với vẻ đầy lo âu. Bỗng “soạt” gió lớn đã bốc một tấm tôn của mái bếp bay lên trời. Em sợ hãi vô cùng, mẹ thì cứ loay hoay mãi vì sợ nước vào nhà, nhà em không có mái gác, thật

đáng tiếc. Trong nhà, chỉ có mỗi bố là bình tĩnh, bố vạch ra một kế hoạch và cả nhà tíu tít làm theo. Bỗng mẹ hét lên: Nhìn kia !

Nước đã vào nhà sau cửa em rồi. Ở xóm này, nhà em cao có hạng, vậy mà vẫn bị nước vào thì những thấp hơn chắc là đã tới đầu gối rồi. Đúng sáu giờ sáng, mưa giảm đi, nhưng mực nước lũ thì vẫn cứ dâng cao. Khắp nhà em chỗ nào cũng toàn nước là nước. Mọi người đều leo lên giường nằm cả, chỉ có mẹ là mang ủng đi xuống bếp nấu ăn cho cả nhà. Vì mưa lũ nên không đi chợ được và vì thế nhà em không có gì ăn, tới bữa chỉ có vài chén cơm và một ít nước mắm mà thôi. Trước giờ, chưa bao giờ em phải chịu khổ như thế. Bây giờ, cầm chén cơm lên mới thấy hết vị ngọt của cái ăn và vị đắng của cái đói còn cào. Đang suy nghĩ miên man bỗng có tiếng gọi cửa, bố em vội ra mở. À, thì ra các chú trưởng thôn, phó thôn đi phát mì cho các gia đình. Nhà em có bốn người, các chú phát cho mười hai gói, nói vài câu với bố rồi sau đó đi phát tiếp. Bố vội tạm biệt họ rồi vội chạy vào buồng, báo cho mọi người hay một tin dữ: các đập nước trong tỉnh đang thay phiên nhau xả một lượng nước rất lớn ra ngoài. Nghe tin, cả nhà em hết hoảng vô cùng. Và việc xả lũ ngay lập tức được chứng minh khi một loạt nước ủa vào giường. Thế là từ giường, mọi người ủa lên đầu tủ ngủ và ngủ trên đó khi về đêm. Thực chất chỉ có mình em và bà ngủ, còn bố mẹ thì không ngủ mà ngồi canh mực nước. Cuộc sống cứ tiếp diễn như thế cho đến năm ngày sau, nước bắt đầu rút dần và hai ngày nữa thì hết hẳn. Cả nhà em vui mừng khôn xiết, tíu tít khiêng vác đồ đạc, lau dọn lại nhà cửa trong niềm vui bất tận.

Bấy giờ, trận lũ kinh hoàng ấy đã qua đi, nhưng em biết rằng, với sự ô nhiễm môi trường và tình trạng gia tăng biến đổi khí hậu sẽ vẫn hứa hẹn vô số những trận lũ khác. Và em cũng biết, để sống tốt cần phải yêu thiên nhiên và đừng bao giờ phá hoại thiên nhiên, hãy coi thiên nhiên như một quả tim của chính mình vì “nó” quyết định sự sống còn của con người và cả hành tinh này. Hãy nghe lấy lời em, đừng quên nhé!

BÀI VĂN MẪU 2

Sinh hoạt gia đình em một chiều thứ bảy

Bố tôi đi làm cách nhà gần 50 cây số nên cuối tuần mới về và do đó chỉ có chiều thứ bảy thì cả nhà tôi mới được đông đủ. Không khí gia đình tôi như ngày cuối tuần thường rộn ràng hơn và nhất là vào ngày thứ bảy, bởi cả ba mẹ con tôi, ai cũng nóng bố về, và liên tục nhắc đến bố. Nào là tiếng cái út nũng nịu hỏi:

Bố sắp về chưa hả mẹ ? Mẹ âu yếm trả lời:

Chỉ một lát nữa bố sẽ về nhà. Con ngoan bố về sẽ có quà, còn hư là bố không cho đâu.

Con bé nghe vậy cười tít mắt:

Con ngoan nhất nhà mẹ nhỉ. Quay sang tôi nó tranh:

Em ngoan hơn chị, bố sẽ cho em nhiều quà hơn. Tôi mỉm cười ra dáng chị cả:

Chị sẽ nhường cho em hết. Được chưa ? Bây giờ em lên nhà đợi bố để mẹ với chị nấu cơm.

Biết bố thích ăn canh cua, chiều thứ bảy nào mẹ cũng mua cua về để làm món bố thích. Và tôi thường quanh quẩn bên chân mẹ để phụ giúp. Chiều hôm nay cũng vậy, mẹ chuẩn bị mọi thứ từ sáng, đợi đến lúc bố sắp về đến nhà hai mẹ con lại tíu tít chuẩn bị.

Đang mải mê nấu nướng hai mẹ con tôi bỗng nghe thấy út gọi í ới:

Mẹ ơi bố về. Bố về rồi ! Tiếng nó lại lạnh lót:

Con chào bố ạ. Bố có mua quà cho con không.

Tôi và mẹ chạy lên nhà, bố đã bế út và lấy quà cho bé. Con nhỏ sung sướng ôm cổ bố. Bố quay sang tôi hỏi:

- Con đang nấu cơm hả ? Con ngoan lắm.

Bố cất cặp sách vào nhà, mẹ đã kịp mang một chậu nước mát lạnh cho bố rửa mặt, còn tôi chạy đi lấy cho bố một cốc nước mát. Một lát sau cả nhà tôi đã quây quần bên mâm cơm nóng hổi. Từ lúc bố về út luôn ngồi cạnh kể cả lúc ăn cơm. Nó còn đòi gấp thức ăn cho bố, và khi bố vừa đưa bát ra cho nó gấp thức ăn vào thì nó lại đánh rơi ngay xuống đất, cả nhà được một phen cười. Bố vừa cười vừa nói:

- Con gái bố ngoan lắm ! Tuần này con có được phiếu bé ngoan không ?

Nhắc đến phiếu bé ngoan, bé vội vàng tụt xuống đất lon ton đi lấy ra khoe với bố. Bố vui sướng nhìn bé rồi quay sang hỏi tôi:

Thế con được mấy điểm mười. Tôi tự hào khoe với bố:

Con vẫn luôn dẫn đầu lớp, tuần này bố phải thưởng cho con một chuyến đi công viên đấy.

Nghe đến công viên út vội hét lên:

Cho con đi với.

Ừ! Bố sẽ đưa cả nhà đi.

Tôi còn kể cho bố nghe chuyện trường lớp ra sao, chuyện nhà tuần qua ra sao. Bố nhìn chúng tôi đầy yêu thương, trầu mếu.

Ăn cơm xong, cả nhà tôi đi dạo phố và ăn kem ở Bờ Hồ, thật vui. Buổi tối thứ bảy đường phố thật đông đúc, tấp nập. Hai chị em tôi ca hát líu lo. Tôi chỉ mong ngày nào cũng là thứ bảy để cả nhà tôi được ăn cơm cùng nhau bên nhau.

Văn phạm & Ngữ vựng

Cấu trúc các câu đơn giản

A - Câu xác định (phrase affirmative)

Để làm thành câu xác định, phải có ít nhất chủ từ và động từ. Chủ từ đứng trước, kế tiếp là động từ, rồi đến túc từ (complément).

Thí dụ :

- 1- Tôi / ngủ. (Chủ từ / động từ)
- 2- Tôi / ngủ / trong phòng. (Chủ từ / động từ / túc từ)
- 3- Em tôi / chơi / nhảy dây. (chủ từ / động từ / trực tiếp túc từ)
- 4- Tôi / gửi / thư /cho bạn tôi (chủ từ / động từ / trực tiếp túc từ / gián tiếp túc từ)

Nhận xét : tiếng việt cũng giống tiếng pháp :

- Đầu câu phải viết hoa và cuối câu có dấu chấm.
- Các danh từ riêng (noms propres) trong câu luôn được viết hoa.

B - Câu phủ định (phrase négative)

Thông thường, trong câu phủ định, người ta đặt 1 trạng từ (adverbe) phủ định giữa chủ từ và động từ : không, chẳng, chưa, chỉ

Thí dụ :

Ne... pas : Tôi không xem phim.

Ne ... pas (négation renforcée) : Tôi chẳng xem phim.

Ne ... pas encore : Tôi chưa xem phim này

Ne ... que (négation restrictive) : Tôi chỉ xem phim gián điệp

Ne ... jamais : Tôi chưa bao giờ xem phim tình cảm

(je ne l'ai jamais regardé)

- Tôi không bao giờ xem phim ma

(je ne le regarderai jamais)

Để nhấn mạnh, người ta có thể thêm vào câu phủ định 1 từ cuối câu đầu

Thí dụ :

Ne .. pas (du tout) : Con không đi xem phim đâu .

hoặc Con chẳng đi xem phim đâu .

Khi câu có phiếm chỉ đại danh từ (pronom impersonnel) : ai ; người nào ; cái gì ; cái nào , các trạng từ phủ định sẽ đứng đầu câu.

Thí dụ :

9- Không ai làm việc đâu .

10- Chẳng người nào tình nguyện đi tưới cây.

11- Chẳng cái gì rẻ đâu .

C - Câu nghi vấn (phrase interrogative)

Nhận xét chung :

- Cuối câu nghi vấn có dấu chấm hỏi ?
- Thứ tự trong câu nghi vấn, so với câu xác định, không thay đổi (chủ từ / động từ / túc từ)
- Để làm câu nghi vấn, người ta thêm các trạng từ nghi vấn vào đầu câu hoặc cuối câu.

Các trạng từ nghi vấn, được đặt ở cuối câu, gồm có : (có) ... không ; phải không (= có phải không), (đã) .. chưa, hả (hỉ= hử = hở = héng (hein)), chẳng, à, nhỉ .

Thí dụ :

1- Em (có) xem phim kiếm hiệp không ?

2- Các phim khoa học giả tưởng được hâm mộ chẳng ?

(tôi ao ước điều này : je le doute)

3- Các phim khoa học giả tưởng được hâm mộ lắm, phải không ?

(nhấn mạnh : renforcement)

4- Em mới 10 tuổi mà em xem phim cấm trẻ em à ?

(sự ngạc nhiên : étonnement)

5- Cuốn phim này hay nhỉ ?

(muốn sự đồng ý của người đối thoại : invitation à dire oui)

Các trạng từ nghi vấn sau đây thường được đặt ở cuối câu ; trừ các trạng từ « sao, vì sao, làm sao, tại sao » được đặt ở cuối câu :

- T.T. chỉ nguyên nhân : Tại sao = vì sao = sao = làm sao : pourquoi (conjonction du Complément Circonstanciel de cause)
- T.T. chỉ thời gian : Khi nào = lúc nào = bao giờ (c. C.C. de temps)
- T.T. chỉ thời gian : Bao lâu = bao nhiêu lâu = mấy + danh từ chỉ thời gian (giây, phút, giờ, ngày , tháng, năm) : combien de temps (c.C.C. de temps)
- T.T. chỉ nơi chốn : Đâu = ở đâu = chỗ nào = nơi nào : où (c. C.C de lieu)
- T.T. chỉ phương tiện : Thế nào = làm thế nào : comment (c.C.C. de manière)

Các trạng từ nghi vấn đại danh từ : ai ; người nào ; cái gì = cái nào= vật gì ; chuyện gì , không thay đổi vị trí so với các câu xác định.

Thí dụ :

1- Ai làm bể bình hoa ? - Không có ai, chẳng ai làm bể. (ai = chủ từ)

- 2 - Bác là ai ? – Bác là mẹ của Hoa. (ai = túc từ)
- 3- Anh đang làm gì (= cái gì) ? – Anh làm 1 chuyện bí mật (gì = đối từ)
- 4- Chuyện gì đã xảy ra ? (chuyện gì = chủ từ)

Phụ từ Mà

1- MÀ dẫn đầu một mệnh đề chỉ định (déterminatif), có phận sự làm rõ thêm ý nghĩa của chủ từ hay túc từ của mệnh đề chính.

Thí dụ :

- Tôi hiện đang ở trong ngôi nhà mà ba tôi đã xây.
- Ba tôi đã xây ngôi nhà mà hiện nay tôi đang cư ngụ.

2- MÀ chi phối mệnh đề điều kiện (condition) thì chủ từ của mệnh đề điều kiện thường đứng trước MÀ.

Thí dụ :

- Nó mà chơi máy vi tính nhiều, sẽ phải đeo kính.
- Nếu nó chơi máy vi tính nhiều, thì sẽ phải đeo kính.

Trong hai trường hợp này, không bắt buộc phải dùng chữ MÀ.

Người ta có thể bỏ chữ MÀ đi câu lại có vẻ nhẹ nhàng hơn, mà ý nghĩa vẫn rõ ràng.

- Tôi hiện đang ở trong ngôi nhà ba tôi đã xây.
- Ba tôi đã xây ngôi nhà hiện nay tôi đang cư ngụ.
- Nó chơi máy vi tính nhiều, sẽ phải đeo kính.

Ngược lại, bắt buộc phải dùng từ MÀ trong những trường hợp sau đây.

3- MÀ dẫn đầu một mệnh đề hiệu quả (résultat):

Mệnh đề hiệu quả luôn đứng sau mệnh đề chính.

Thí dụ :

- Nó ham chơi mà quên ăn
- Nó ham chơi đến nỗi quên ăn

4- MÀ dẫn đầu một mệnh đề mục đích (but) :

Chủ từ của mệnh đề mục đích cũng là một với chủ từ của mệnh đề chính. Mệnh đề mục đích luôn đứng sau mệnh đề chính.

Thí dụ:

- Hãy bật đèn lên mà đọc sách !

5- MÀ dẫn đầu mệnh đề đối lập (opposition) :

Thí dụ:

- Nước Việt Nam nhỏ mà anh hùng.

6- MÀ còn được dùng trong câu phủ định (négation) :

Thí dụ :

- Cái này mà đẹp gì.
- Cái này đâu có đẹp gì.

BÀI TẬP :

Xếp lại câu hoàn chỉnh và dịch những câu sau đây sang tiếng pháp.

- 1- quyền / mà / Đây là / cần / tự diễn / tôi
- 2- học sinh / Đó là / trẻ / phụ trách. / những / mà / tôi
- 3- to / không / sửa / cần. / này / Con chó / mà
- 4- thành quả / mà / tốt / Đó là / anh ta / hài lòng. / một / rất
- 5- xe / lấy / Hãy / buýt / đi. / mà
- 6- hát / gì. / hay / Ca sĩ / mà / đó
- 7- Chúng tôi / mà / đi theo / không / một hướng / đúng. / chắc / là / chúng tôi
- 8- xem phim / Nó / mà / ham / giờ giấc. / quên
- 9- hút bụi / tôi / Máy / vẫn dùng / mà / không / nữa. / thường xuyên, / chạy
- 10- đã gặp / Ngày hôm qua, / một người / tôi / mà / đàn ông / đã quên / tôi / trẻ tuổi, / mất tên.

Phụ từ Rằng / Là (que) :

RẰNG hay LÀ dẫn đầu một mệnh đề bổ ngữ, và nối mệnh đề bổ ngữ với mệnh đề chính.

RẰNG hay LÀ đi sau những động từ : nói, bảo, hỏi, thưa, suy, nghĩ, tưởng, trách, mong, muốn, ước, sợ, nghi, ngờ, ghi, chép ...

Thí dụ :

- 1- Anh ta nói rằng ...
- 2- Tôi nghĩ là ...
- 3- Người ta sợ rằng ...

BÀI TẬP :

Đặt 3 câu với từ RẰNG hoặc LÀ

ĐỐI THOẠI:

- Chào anh Xuân, lâu quá tôi không gặp anh. Anh vẫn khỏe chứ ?
- Dạ, chào anh Minh, Tôi cũng bình thường thôi. Còn anh ?

- Tôi cũng lai rai vậy. Bây giờ anh ở đâu ?
- Tôi vẫn ở gần đây, trong thủ đô Paris.
- Số 15 đường champs Elysés, phải không ?
- Đúng thế. Anh thật tài, nhớ được địa chỉ nhà tôi. Còn anh, anh vẫn ở chỗ cũ hả ?
- Không, tôi mới mua nhà.
- Thế à ! anh mua ở đâu ?
- Tôi mua nhà ở ngoại ô Paris.
- Vậy bây giờ anh làm việc ở đâu ?
- Tôi vẫn làm việc ở chỗ cũ nhưng tôi sắp đổi việc rồi.

Ngữ vựng :

- bình thường :
- lai rai :
- lâu quá :
- anh ở đâu ? :
- địa chỉ:
- thế à ! = thế sao ! = vậy sao.....
- chỗ cũ :
- ngoại ô
- mua < > bán :

VĂN PHẠM

Trạng từ chỉ thời gian: (trên trục thời gian)

Đã mới (= vừa) vẫn sắp sẽ

trước / qua Bây giờ sau / tới

- vẫn : luôn luôn

Các trạng từ này luôn được viết trước động từ

Sinh vật & Địa lí Việt Nam

Hải đảo Việt Nam

Nước Việt Nam có rất nhiều hải đảo. Sau đây là vài hải đảo thường được nói đến:

- **Cát Bà:** là một quần đảo có tới 366 đảo lớn, nhỏ. Đảo chính là Cát Bà rộng 100 km² cách cảng Hải Phòng 30 hải lí. Quần đảo tiếp nối với vịnh Hạ Long có nhiều hang động làm du khách say mê. Rừng trên các đảo có các loài cây thuốc và cây quý, có voọc đầu trắng, khỉ vàng, sơn dương và nhiều loại chim đẹp. Diện tích được bảo vệ trên quần đảo là 15.200 ha.
- **Côn Đảo** (hay **Côn Sơn**): cách Vũng Tàu 179 hải lí, quần đảo có hình dạng như một con gấu đang vươn mình giữa biển bao gồm 16 hòn đảo với diện tích là 72 km². Côn Đảo là khu nghỉ mát lí tưởng với các bãi biển đẹp cho khách du lịch và những người thích bơi lặn từ tháng 3 đến tháng 6.
- **Phú Quốc:** là đảo lớn nhất Việt Nam nằm trong vịnh Thái Lan và cách Hà Tiên 45 km với diện tích 573 km². Dân cư sống trên đảo khoảng 45.000 người. Tại đây ngoài đồi núi, còn có đồng bằng, rừng thiên nhiên với nhiều loại gỗ quý và chim muông. Viền quanh đảo là các bãi biển đẹp, du khách có thể tắm biển, tắm suối, leo núi, vào hang, lên rừng để thưởng ngoạn cảnh thiên nhiên hoang dã. Dân cư sống trên đảo đa số sống về nghề đánh cá và nghề làm nước mắm. Nước mắm Phú Quốc nổi tiếng với hương vị ngọt thơm được chế biến từ loại cá cơm đặc biệt.
- **Quần đảo Hoàng Sa** : diện tích 305km², cách đất liền 170 hải lí. Trên phương diện hành chính, quần đảo Hoàng Sa phụ thuộc thành phố Đà Nẵng.
- **Quần đảo Trường Sa** : thuộc tỉnh Khánh Hoà, gồm hơn 100 đảo và rạn đá ngầm trải dài 800 km từ tây sang đông và 600 km từ bắc xuống nam, cách Cam Ranh 248 hải lí và cách Vũng Tàu 305 hải lí. Tổng diện tích các đảo nổi rất nhỏ, chỉ khoảng 5km² đến 10 km².

Những ngư dân người Việt đã được xác nhận là những dân cư đầu tiên tại Hoàng Sa. Từ đầu thế kỉ XVII, các chúa Nguyễn đã cho tổ chức khai thác trên các đảo. Năm 1812, vua Gia Long chính thức chiếm hữu quần đảo.

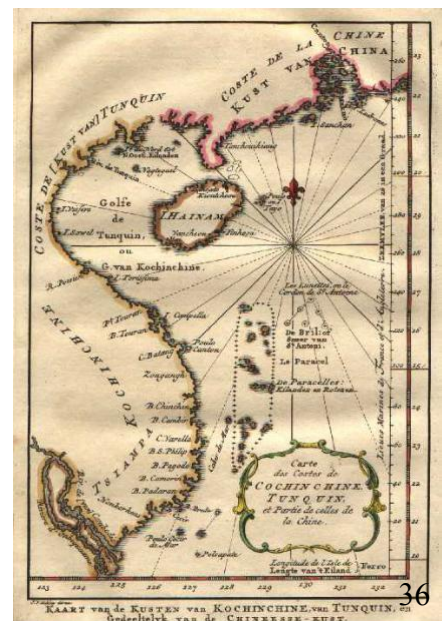
bản đồ Biển Đông do người Hà Lan vẽ năm 1754

Giải nghĩa:

- Hải lí : đơn vị đo lường trên biển, dài 1852 m
- Voọc đầu trắng : một loại thú quý hiếm trên thế giới, giống khỉ lông đen, đầu và vai có lông trắng
- Sơn dương: một loại thú quý hiếm còn gọi là dê rừng
- Thưởng ngoạn : ngắm cảnh để thưởng thức
- Hoang dã : nơi đất đai để hoang, ít người đi lại

Câu hỏi:

- 1- Cát Bà có giống thú gì đặc biệt ?
- 2- Cư dân trên đảo Phú Quốc thường làm nghề gì ?
- 3- Tại sao quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền nước Việt Nam ?



Bản đồ Việt Nam



Cố đô Huế

Huế từ xa xưa đã được các chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ của xứ "Đàng Trong", sau đó trở thành kinh đô của miền đất do vua Quang Trung Nguyễn Huệ cai quản trước khi ông lên ngôi hoàng đế.

Nằm ở bờ bắc sông Hương, toàn thể kiến trúc của cố đô Huế được xây dựng trên một diện tích hơn 500 hectare đất. Ba vòng thành theo thứ tự từ ngoài vào trong gồm có : Kinh Thành, Hoàng Thành và Tử Cấm Thành.

Sau khi thống nhất nước Việt, Vua Gia Long chính thức đặt Huế làm thủ đô. Kinh Thành được vua Gia Long xây dựng từ năm 1805, sau đó được vua Minh Mạng tiếp tục và hoàn thành vào năm 1832. Tại đó, các vua triều Nguyễn đã cho xây dựng khá nhiều thành quách, cung điện và các công trình của hoàng gia.

Hoàng Thành (Đại Nội) nằm ở giữa Kinh Thành là nơi đặt các cơ quan cai trị của chế độ quân chủ và là nơi thờ tự các vua chúa đã quá cố.

Tử Cấm Thành nằm trong Hoàng Thành là nơi dành riêng cho vua và gia đình vua.

Với các di tích kiến trúc và các thắng cảnh hùng vĩ, cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Giải nghĩa:

- *Thủ phủ* : thành phố quan trọng nhất của một vùng
- *Đàng Trong* : vùng đất phía Nam sông Gianh do chúa Nguyễn cai trị dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1558-1772) ; vùng đất phía Bắc sông Gianh là "Đàng Ngoài" do chúa Trịnh cai trị
- *Hoàng gia* : họ hàng nhà vua
- *Quân chủ* : chế độ chính trị có vua đứng đầu
- *Quá cố* : ý nói người đã chết

Câu hỏi :

1. Huế được chọn làm kinh đô dưới thời vua nào ?
2. Hãy tả Kinh Thành ?
3. Hãy tả Hoàng Thành ?
4. Hãy tả Tử Cấm Thành ?
5. Nếu từ có dịp đến thăm Huế, xin nói lên cảm nghĩ

!



Chó Phú Quốc

Phú Quốc – một hòn đảo nằm trong vịnh Thái Lan cách Hà Tiên khoảng 45 cây số – đặc biệt có một loại chó hiếm xuất phát từ đảo này nên gọi là chó Phú Quốc ; để nhận dạng so với các loại chó khác nhờ các xoáy lông ở trên sống lưng (còn gọi là bờm lưng). Trên thế giới chỉ có ba dòng chó lông xoáy mà chó Phú Quốc là một, hai dòng kia là chó Rhodesia và chó Thái Lan.

Đặc điểm của chó Phú Quốc là đào hang dễ dãi, có biệt tài săn thú và bơi giỏi như rái cá nhờ chân có màng như chân vịt và khi đứng thì những ngón chân chụm hẳn lại theo một thế rất vững như bàn chân cọp. Lông của chúng dài không quá hai phân, mượt mà, ôm sát thân ; phần lớn màu đen tuyền hay màu vàng rất đẹp, một số ít màu trắng hoặc vằn vện như cọp, màu hiếm là xám nhạt. Dãy lông dọc theo sống lưng thì mọc ngược với hướng của toàn thể các sợi lông ở những vùng khác trên cơ thể và thường thì sậm màu hơn.

Thợ săn vào rừng mang theo một vài con chó Phú Quốc trong một đêm có thể mang về những chồn hương, nai, khỉ và cả heo rừng vì tuy nhỏ thó – cao khoảng nửa thước và chỉ nặng từ 15 đến 20 kí – nhưng chó Phú Quốc rất gan dạ, mạnh và nhanh ; chúng chạy nhanh nhưng có thể dừng phắt lại để đổi hướng. Ngoài ra chúng còn giỏi leo trèo và phóng lên rất cao.

Chó Phú Quốc có thể lần theo con mồi kể cả dấu vết để lại từ trước đó cả tuần ; vì thế thợ săn phải kiểm soát những dấu vết xem cũ hay mới để đi theo hoặc gọi nó về. Mỗi khi phát hiện ra con mồi thì chúng ra sức dồn đồng thời sủa vang để gọi chủ.

Đầu chó Phú Quốc nhỏ gọn, mõm dài vừa phải, lưỡi có đốm màu đen hoặc đen hoàn toàn, tai vểnh cao hướng về phía trước ; bụng chó thon, ngực nở, thân hình gọn và chắc ; đuôi ngắn, khi dựng đứng thành hình cánh cung nên còn gọi là “đuôi vót cần câu”.

Chó Phú Quốc rất thân thiện với người, ngay cả người lạ – đây chính là khuyết điểm của chúng – nên không thể dùng vào việc... trông nhà ; nhưng chúng lại... bắt chuột rất tài tình ! Tuy đã thuần hóa lâu đời, chó Phú Quốc vẫn dễ dàng thích nghi với đời sống nơi hoang dã và tự kiếm ăn lấy. Là chó săn, quen hoạt động nên rất khó nuôi nơi chốn thành thị trong đất liền.

Hiện nay chó Phú Quốc đang có khuynh hướng tuyệt chủng nên rất cần được lưu tâm.

Ngữ vựng :

- *Xuất phát : khởi đầu, bắt đầu.*
- *Rái cá : thuộc về họ chồn nhưng sống dưới nước, giữa các ngón chân có màng, bơi giỏi*
- *Khuyết điểm: điểm yếu, cái dở ; trái nghĩa với “ưu điểm”.*
- *Thành thị: hợp từ rút ngắn của “thành phố” và “đô thị”, chỉ nơi đông đúc dân cư.*
- *Hoang dã : nơi thiên nhiên mà loài người không hoặc ít lui tới.*

Tìm ý chính của bài :

Nêu những đặc điểm của chó Phú Quốc

Tìm hiểu thêm :

Cuối thế kỉ XIX, thời Pháp thuộc, Fernand Doceul là toàn quyền Nam phần, xuất thân thú y, nhận ra sự kỳ diệu của chó Phú Quốc nên đã mang 4 con về tặng cho vườn thực vật Paris. Về đến nơi chỉ còn 3. Sau đó, cũng một người Pháp, Gaston Helouin, mang một cặp – Xoài và Chuối – tham dự “sơ tuyển” ở Lille (Pháp) và tiếp theo thay mặt cho tất cả thí sinh ở đây để tranh giải Triển Lãm Hoàn Vũ Quốc Tế tổ chức tại vùng Anvers (Bỉ) trong 2 ngày 15 và 16/7/1894. Tại đây, ngoài danh hiệu cao quý nhất đã giành được, Xoài và Chuối được định giá lên đến 25 000 quan Bỉ, gấp 500 lần những thí sinh 4 khác.



Nhưng rồi phải đợi mãi đến năm 2011, Đốm và Vện, 2 đại diện chó phú Quốc mới trở lại với những cuộc thi tuyển – được nước Pháp chủ nhà “mời” tham dự FCI word dog show 2011, cuộc thi chó đẹp thế giới tổ chức tại Paris từ ngày 7 đến ngày 10/7/2011. Kết quả, Đốm và Vện, hậu duệ của Xoài và Chuối từ hơn một thế kỷ trước, đã giành được hai giải nhất và nhì.

Trong “Les races de chiens” xuất bản năm 1897, tác giả là bá tước Henry de Bylandt (người Hoà Lan) cho rằng chó Phú Quốc là một trong vài giống chó quý hiếm của bản liệt kê 316 giống chó quý hiếm trên thế giới. Tạp chí “Animal life and word of natural” (Đời sống động vật và thế giới tự nhiên) xuất bản năm 1902 cũng đánh giá chó Phú Quốc là 1 trong 300 loài chó quý. Chưa hết, Điều khắc gia lừng danh Rembrandt Bugatti (người Pháp gốc Ý) đã tạc tượng chó Phú Quốc bằng đồng, đặt tên là “Chien annamite ou d’Annam” ; tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng này được trưng bày tại nhà bảo tàng châu Âu.

Những năm gần đây, ngành du lịch của đảo Phú Quốc phát triển mạnh mẽ nên số cư dân cũng theo đó mà gia tăng đáng kể ; đến với họ là những giống “chó nhà” khiến xảy ra tình trạng lai tạp giữa các giống làm mất dần những đặc tính quý hiếm của chó săn Phú Quốc. Hơn nữa, những du khách yêu quý chó lại bỏ ra những món tiền lớn để mua và mang về đất liền những chú chó con kháu khỉnh. Thế nên hiện nay, muốn tìm gặp loại chó Phú Quốc thuần chủng không phải là chuyện dễ.

Vì vậy, bảo vệ chó Phú Quốc thuần giống là điều khẩn thiết.

Tiếng Việt 3 miền : Bắc, Trung, Nam

Trải qua 4000 năm dựng nước và giữ nước, quê hương Việt Nam đã trải qua nhiều thăng trầm, khó khăn, gian khổ. Nhưng dân tộc chúng ta vẫn kiên trì gìn giữ và phát huy được một nền văn hoá rực rỡ, riêng biệt của người Việt Nam, trong đó có tiếng Việt thân yêu.

1. Sự hình thành và phát triển tiếng Việt

Ngược dòng thời gian, lật lại những trang sử của thời kỳ dựng nước và giữ nước, chúng ta thử tìm hiểu những yếu tố tác động vào việc hình thành và phát triển nền ngôn ngữ Việt.

Từ khi nhà nước Văn Lang được thành lập cho đến nhà Lý, lãnh thổ VN gần như ổn định, bao gồm vùng đồng bằng bắc bộ và các tỉnh : Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh (còn gọi là khu IV, hay Bắc Trung bộ).

Nước Văn Lang là một nước rất nhỏ, nên hay bị nhà Hán dòm ngó. Tuy nhiên vì nằm sát nhau nên sự tiếp xúc với người Hán, tiếng Hán, văn hóa Hán đã xảy ra trước khi người Hán xâm lược nước ta. Nhưng để lại dấu ấn sâu đậm vẫn là sự tiếp xúc trực tiếp trong suốt gần 1000 năm Bắc thuộc. Ảnh hưởng của tiếng Hán, nền văn hoá Hán không toả ra đồng đều trên lãnh thổ bị chiếm đóng. Ảnh hưởng đó ở vùng phía bắc sâu đậm hơn ở vùng phía nam, ở vùng đồng bằng sâu đậm hơn ở vùng núi. Chính vì vậy sự khác biệt vốn đã có giữa các vùng, miền ngày càng rõ nét.

Từ năm 939, Việt Nam giành lại độc lập, tự chủ. Mối quan hệ với tiếng Hán không còn là quan hệ trực tiếp như trước nữa. Sau đó người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm. Cũng từ đó vai trò tiếng Việt ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Tác dụng của tiếng Việt bắt đầu toả ra mạnh mẽ đối với các vùng ngôn ngữ thiểu số. Lúc đầu chỉ là ở phía Bắc, về sau với đà nam tiến ồ ạt, liên tục của người Việt, ảnh hưởng đó ngày càng lan rộng và hình thành nên các vùng có tiếng nói với những từ ngữ, âm hưởng khác nhau.

Việc nam tiến, tạo điều kiện hình thành một tiếng địa phương mới là tiếng miền nam.

Hai tiếng địa phương của hai vùng Bắc, Nam có hoàn cảnh hình thành khác nhau, do đó có những đặc trưng khác nhau. (*)

Với những yếu tố lịch sử, chính trị, địa lý vừa được nêu trên, tiếng Việt có thể được chia thành ba vùng phương ngữ chính :

Phương ngữ Bắc (bộ).

Phương ngữ Trung (bộ).

Phương ngữ Nam (bộ).

Theo từ chuyên môn của các nhà ngôn ngữ học, tiếng địa phương được gọi là PHƯƠNG NGỮ.

- (phương : vùng, miền, địa phương

- Ngữ : lời nói, ngôn ngữ).

Bên cạnh ba phương ngữ chính (Bắc, Trung, Nam) tiếng Việt còn có những thổ ngữ riêng của từng địa phương nhỏ trong cả ba miền đất nước. Thổ ngữ vùng nào tất nhiên được người dân vùng đó dùng để giao tiếp.

Đoạn đối thoại sau đây của hai người được sử dụng hoàn toàn bằng thổ ngữ Huế, sẽ làm cho nhiều người “ ngơ ngác ” nếu không có những “ thông dịch viên ” là người Huế rất hoặc gốc Huế giúp giải thích :

“... Thừa cụ mự, bọ tui vô rú rút mây về đươn trệt, bọ tui chộ con cọt, rửa mà nỏ biết ra rằng, con cọt lủi, lủi năng lằm, bọ tui mừng rửa thê! Chừ mạ tui cúng con gà, cụ mự qua chút chò bui.” ... (*Thừa cậu mợ, bố con vào rừng rút mây về đan rá (rổ), bố con thấy con cọt, vậy mà chẳng biết sao, con cọt chạy trốn, chạy lẹ lằm, bố con mừng quá. Giờ mẹ con đang cúng con gà, cậu mợ qua chút xíu cho vui*).

Hoặc trong hai câu hò Huế rất dễ thương, nhưng cũng có những từ khá khó hiểu cho những người không ở Huế :

“ Cây đa bến cộ (cũ) còn lưa (còn đó)
Con đồ đã khác năm xưa tê rồi ”

2. Sự khác biệt giữa các phương ngữ

Các phương ngữ này khác nhau chủ yếu ở giọng nói (ngữ âm), rồi đến từ vựng, cuối cùng là một chút khác biệt về ngữ pháp.

Nếu lấy chuyện viết chính tả làm chuẩn và dựa trên hệ thống âm vị của tiếng Việt để so sánh sự khác nhau của ba phương ngữ nói trên, ta có thể thấy những điểm thú vị sau :

Phương ngữ Bắc : hay phát âm sai với các phụ âm đầu : s, r, gi, tr, n, l nhưng lại phân biệt rất rõ dấu ngã và dấu hỏi.

ví dụ :- Xáng xớm xương xuống nhiều - (Sáng sớm sương xuống nhiều)

Con ăn cơm chưa ? Dạ, con ăn dôi ạ - (Dạ, con ăn rồi ạ)

Phương ngữ Trung : hay lẫn lộn dấu “ ngã ” và dấu “ nặng ”

ví dụ : Hôm nay các em sẽ viết chính tả - Hôm nay các em sẽ viết chính tả.

Phương ngữ Nam : hay lẫn lộn giữa các âm : r, v, d, g, và dấu “ngã ”, dấu “hỏi ”. Nhưng lại phát âm rất chuẩn phụ âm “s” -

ví dụ : Cô à, cô lưa giùm coong giải hột trứng gặt lộng nha.

(Cô à, cô lưa giùm con vài trứng vịt lộn nha)

“Đi dĩa bắt con cá gô bỏ dô gổ nó kiu goọc gọc ”.

(Đi về bắt con cá rô bỏ vô rổ nó kêu rọt rọt).

Về mặt địa lý, Nam bộ được tính từ các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh đến Cà Mau và được hình thành rõ nét kể từ khi Chúa Nguyễn Hoàng vượt qua Hoành Sơn vào Đàng Trong cùng với nhiều thay đổi trong giọng nói và bổ sung nhiều từ vựng đến từ tiếng Khmer, Quảng Đông, Phúc Kiến.

Phương ngữ Nam bộ tuy ra đời muộn hơn so với các phương ngữ khác, nhưng không vì thế mà nghèo nàn, hời hợt, mà trái lại nó rất đa dạng, phong phú, sâu lắng. Nó chứa đựng các yếu tố văn hoá, phong tục, tập quán cùng tính cách của con người Nam bộ : hiền lành, mộc mạc, chân chất :

“ Anh về em nắm vạt áo em la làng

Phải bỏ chữ thương, chữ nhớ giữa đường cho em ”

Các giọng Bắc, Trung, Nam mặc dù có nhiều điểm khác nhau về cách phát âm, từ vựng, nhưng chính sự khác biệt đó làm nên nét rất riêng và là nét đẹp của tiếng Việt chúng ta.

Bắc	Trung	Nam
<i>này</i>	<i>ni</i> hay <i>nì</i>	<i>nây</i>
<i>thế này</i>	<i>Ri</i>	<i>vây</i>
<i>ấy</i>	<i>nớ, tề</i>	<i>đó</i>
<i>thế, thế ấy</i>	<i>ríra, ríra tề</i>	<i>vậy đó</i>
<i>kia</i>	<i>Tề</i>	<i>đó</i>
<i>kìa</i>	<i>tề</i>	<i>đó</i>
<i>đâu</i>	<i>Mô</i>	<i>đâu</i>
<i>nào</i>	<i>Mô</i>	<i>nào</i>
<i>sao, thế nào</i>	<i>răng</i>	<i>sao</i>
<i>tôi</i>	<i>Tui</i>	<i>tui</i>
<i>tao</i>	<i>Tau</i>	<i>tao</i>
<i>chúng tôi</i>	<i>bây tui</i>	<i>tụi tui</i>
<i>chúng tao</i>	<i>bây choa</i>	<i>tụi tao</i>
<i>mày</i>	<i>Mi</i>	<i>mây</i>
<i>chúng mày</i>	<i>bây, bọn bây</i>	<i>tụi mây</i>
<i>nó</i>	<i>hắn, nghĩ</i>	<i>nó</i>
<i>chúng nó</i>	<i>bọn hắn</i>	<i>tụi nó</i>
<i>ông ấy</i>	<i>ông nớ</i>	<i>ổng</i>
<i>bà ấy</i>	<i>mệ nớ, mẹ nớ, bà nớ</i>	<i>bả</i>
<i>cô ấy</i>	<i>o nớ</i>	<i>cô</i>
<i>chị ấy</i>	<i>ả nớ</i>	<i>chỉ</i>
<i>anh ấy</i>	<i>eng nớ</i>	<i>ảnh</i>

Bắc	Trung	Nam
<i>lợn</i>	<i>lợn</i>	<i>heo</i>
<i>Ngan</i>	<i>ngan</i>	<i>vịt Xiêm</i>
<i>quả</i>	<i>trái</i>	<i>trái</i>
<i>Hoa</i>	<i>hoa</i>	<i>bông</i>
<i>đỗ</i>	<i>độ</i>	<i>đậu</i>
<i>Ngô</i>	<i>ngô</i>	<i>bắp</i>
<i>dừa</i>	<i>dừa</i>	<i>thơm, khóm</i>
<i>lạc</i>	<i>lạc</i>	<i>đậu phộng</i>
<i>Roi</i>	<i>mận</i>	<i>mận</i>
<i>Táo</i>	<i>táo</i>	<i>bôm</i>
<i>táo ta</i>	<i>táo ta</i>	<i>táo</i>

<i>Na</i>	<i>na</i>	<i>mãng cầu ta</i>
<i>mãng cầu gai</i>	<i>na gai</i>	<i>mãng cầu Xiêm</i>
<i>hồng xiêm</i>	<i>hồng xiêm</i>	<i>sabôchê</i>
<i>củ đậu</i>	<i>củ độ</i>	<i>củ sắn</i>
<i>sắn</i>	<i>khoai sắn</i>	<i>khoai mì</i>
<i>dừa chuột</i>	<i>dừa chuột</i>	<i>dừa leo</i>
<i>dọc mùng</i>	<i>môn ngọt</i>	<i>bạc hà</i>
<i>rau mùi</i>	<i>mùi</i>	<i>ngò rí</i>
<i>mùi tàu</i>	<i>ngò tàu</i>	<i>ngò gai</i>
<i>(cây/hoa) dâm bụt</i>	<i>râm bụt</i>	<i>(cây/hoa) bông bụt</i>
<i>cây cảnh</i>	<i>cây cảnh</i>	<i>cây kiểng</i>
<i>chè (tươi)</i>	<i>chè xanh</i>	<i>trà (xanh)</i>
<i>mì chính</i>	<i>mì chính</i>	<i>bột ngọt</i>
<i>tào phớ</i>	<i>đậu ph</i>	<i>tàu hủ non</i>
<i>nem rán</i>	<i>ram</i>	<i>chả giò</i>
<i>ô mai</i>	<i>ô mai</i>	<i>xí muối</i>
<i>ly đá</i>		<i>tây</i>
<i>kính</i>	<i>kính</i>	<i>kiểng</i>
<i>rọ</i>	<i>cạo</i>	<i>rổ tre</i>
<i>Chăn</i>	<i>chăn</i>	<i>mền</i>
<i>(mắc) màn</i>	<i>(mắc) màn</i>	<i>(giăng) mùng</i>
<i>áo phông</i>	<i>áo phông</i>	<i>áo thun</i>
<i>áo ấm</i>	<i>áo ấm</i>	<i>áo lạnh</i>
<i>Mũ</i>	<i>mạo</i>	<i>nón</i>
<i>tất</i>	<i>tất</i>	<i>vớ</i>
<i>ảnh</i>	<i>ảnh</i>	<i>hình</i>
<i>(thấp) nén</i>	<i>(thấp) nén</i>	<i>(đốt) đèn cây</i>
<i>Dĩa</i>	<i>dĩa</i>	<i>nĩa</i>
<i>Dĩa</i>	<i>đĩa</i>	<i>dĩa</i>
<i>Thìa</i>	<i>thìa</i>	<i>muỗng</i>
<i>Muôi</i>	<i>môi</i>	<i>vá</i>
<i>chén (rượu, trà)</i>	<i>cốc (rượu, trà)</i>	<i>chung, ly (rượu, trà)</i>
<i>Bát</i>	<i>đội</i>	<i>chén</i>
<i>bát tô</i>	<i>tô</i>	<i>tô</i>
<i>cốc</i>	<i>cốc</i>	<i>tách, ly</i>
<i>lọ</i>	<i>chai</i>	<i>chai</i>
<i>chậu</i>	<i>chậu</i>	<i>thau</i>
<i>tây</i>	<i>tây</i>	<i>gôm</i>
<i>Bút</i>	<i>bút</i>	<i>viết</i>
<i>túi bóng</i>	<i>bao bóng</i>	<i>bịch/bọc (nylon)</i>
<i>ô tô</i>	<i>ô tô</i>	<i>xe hơi</i>
<i>tàu hoả</i>	<i>tàu hỏa</i>	<i>xe lửa</i>
<i>(má) phanh</i>	<i>(má) phanh</i>	<i>(bó) thắng</i>
<i>lốp (xe)</i>	<i>lốp (xe)</i>	<i>vỏ (xe)</i>
<i>săm (xe)</i>	<i>săm (xe)</i>	<i>ruột (xe)</i>

<i>xích (xe)</i>	<i>xích (xe)</i>	<i>sên (xe)</i>
<i>dầu nhờn</i>	<i>dầu nhớt</i>	<i>dầu nhớt</i>
<i>bố</i>		<i>ba</i>
<i>anh cả</i>	<i>enh cả</i>	<i>anh hai</i>
<i>anh hai</i>	<i>enh hai</i>	<i>anh ba</i>
<i>(dạ) vâng</i>	<i>dạ</i>	<i>dạ</i>
<i>Dùng</i>	<i>dùng</i>	<i>xài</i>
<i>là</i>	<i>là</i>	<i>ủi</i>
<i>Dèo</i>	<i>đèo</i>	<i>chở</i>
<i>rẽ</i>	<i>queo</i>	<i>queo</i>
<i>Ngã</i>	<i>bổ</i>	<i>té</i>
<i>đỗ (xe)</i>	<i>độ (xe)</i>	<i>đậu (xe)</i>
<i>(thi) đỗ</i>	<i>(thi) độ</i>	<i>(thi) đậu</i>
<i>(thi) trượt</i>	<i>(thi) trượt</i>	<i>(thi) rớt</i>
<i>xơi, ăn</i>	<i>ăn</i>	<i>ăn</i>
<i>bỏ</i>		<i>xẻ</i>
<i>vồ</i>	<i>vồ</i>	<i>chụp</i>
<i>Véo</i>	<i>chít</i>	<i>ngát, nhéo</i>
<i>Nôn</i>	<i>nôn</i>	<i>ói</i>
<i>măng</i>	<i>chười</i>	<i>chửi</i>
<i>buồn cười</i>	<i>tức cười</i>	<i>mắc cười</i>
<i>bắt nạt</i>	<i>hiếp</i>	<i>ăn hiếp</i>
<i>mặc cả</i>	<i>mặc cả</i>	<i>trả giá</i>
<i>gây</i>	<i>tóm</i>	<i>óm</i>
<i>Béo</i>	<i>béo</i>	<i>mập</i>
<i>muộn</i>	<i>muộn</i>	<i>trễ</i>
<i>buồn</i>	<i>buồn</i>	<i>nhột</i>
<i>Kiều</i>	<i>điều</i>	<i>chảnh</i>
<i>(làm) cảnh</i>	<i>(làm) cảnh</i>	<i>(làm) kiếng</i>
<i>hỏng</i>	<i>hư</i>	<i>hư</i>
<i>lác (mắt)</i>	<i>lác (mắt)</i>	<i>lé</i>
<i>Ngõ</i>	<i>ngõ</i>	<i>hẻm</i>
<i>Ngách</i>	<i>ngách</i>	<i>hẻm (cửa hẻm)</i>
<i>hàng, quán</i>	<i>hàng, quán</i>	<i>tiệm, quán</i>
<i>Nghìn</i>	<i>ngàn</i>	<i>ngàn</i>
<i>mồm</i>	<i>mồm</i>	<i>miệng</i>
<i>đá bóng</i>	<i>đá bóng</i>	<i>đá banh</i>
<i>Rán</i>	<i>rán</i>	<i>chiên</i>
<i>(bị) bệnh (nặng)</i>	<i>(bị) bệnh (nặng)</i>	<i>(bị) bệnh nặng</i>
<i>(bị) ốm</i>	<i>(bị) ốm</i>	<i>(bị) bệnh</i>
<i>cân, kilogram</i>	<i>lô</i>	<i>ký</i>
<i>(tiền) thừa</i>	<i>(tiền) thối</i>	<i>(tiền) thối</i>

Một điểm đáng lưu ý trong tiếng Việt là sự thay đổi cách viết hay đọc trại ra một từ nào đó do bị kiêng kị. Do điều này mà một phần ngôn ngữ của tiếng Việt đã bị thay đổi. Bảng dưới đây liệt kê số trường hợp thường gặp.

Âm chính	Âm trại	Âm chính	Âm trại	Âm chính	Âm trại	Âm chính	Âm trại
lĩnh	lãnh	ánh	yên,yềng,	chính	chánh	thì	thời
chu	châu	chúng	chảnh	tông	tôn	hài	hia
được	đặng	đang	chưởng	dung	dong	chân	chơn
thụ	thọ	đảm	đương	tuyền	toàn	đường	đàng
thư	thơ	kiểu	đờm	hằng	thường	cảnh	kiểng
dong	đông	hoa	huê	hạo	hiệu	lân	liên
hoàn	hườn	thật	thiệt,thực	nhậm	nhiệm	san	son
phúc	phước	miên	mân	hồng	hường	điều	đều

Để kết thúc, xin mượn bài : “ Tình ca Tiếng Nước tôi” bất hủ của cố nhạc sĩ Phạm Duy. Ông đã viết những lời nhạc thật đẹp, thật thơ, gói trọn tâm tình của ông cũng như của tất cả những người con dân nước Việt luôn trân quý và dành những tình cảm sâu lắng nhất cho tổ quốc, và nhất là dành riêng cho tiếng nói của dân tộc, tiếng nói của quê hương.

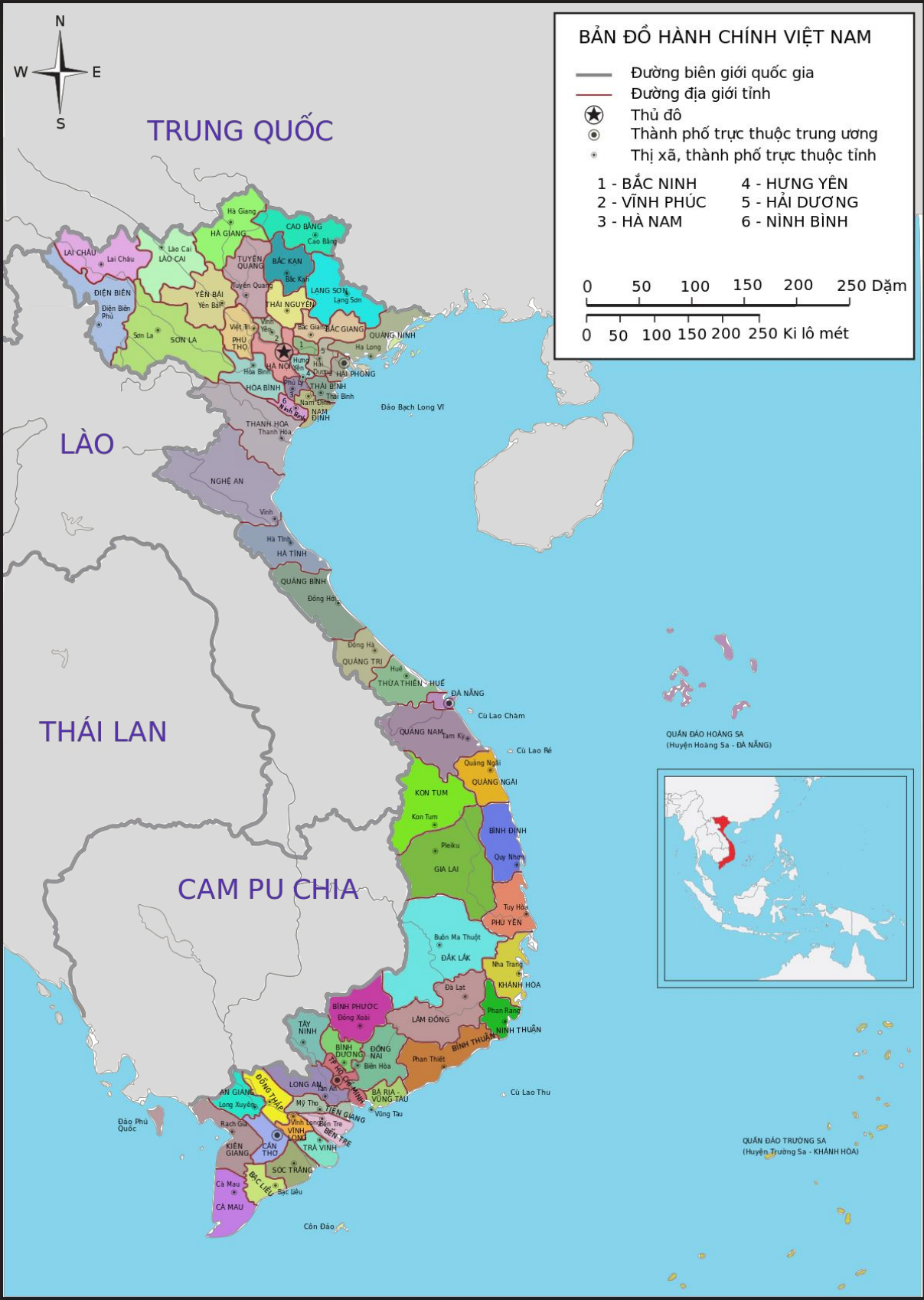
Tình ca Tiếng Nước tôi

Tôi yêu tiếng nước tôi !
 Từ khi mới ra đời !
 Người ơi ! mẹ hiền ru những câu xa vời
 À à ơi ! Tiếng ru muôn đời ...
 Tiếng nước tôi !
 Bốn ngàn năm ròng rã buồn vui
 Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi ! Nước ơi !
 Tiếng nước tôi !
 Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi,
 Thoắt ngàn năm thành tiếng lòng tôi ! Nước ơi !
 Tôi yêu tiếng ngang trời,
 những câu hò giã gạo không nguôi !
 Nhớ nhung hoài mảnh tình xa xôi,
 biết tin vào mộng đẹp ngày mai

dựa theo và bổ sung bài viết của KA 10/2014

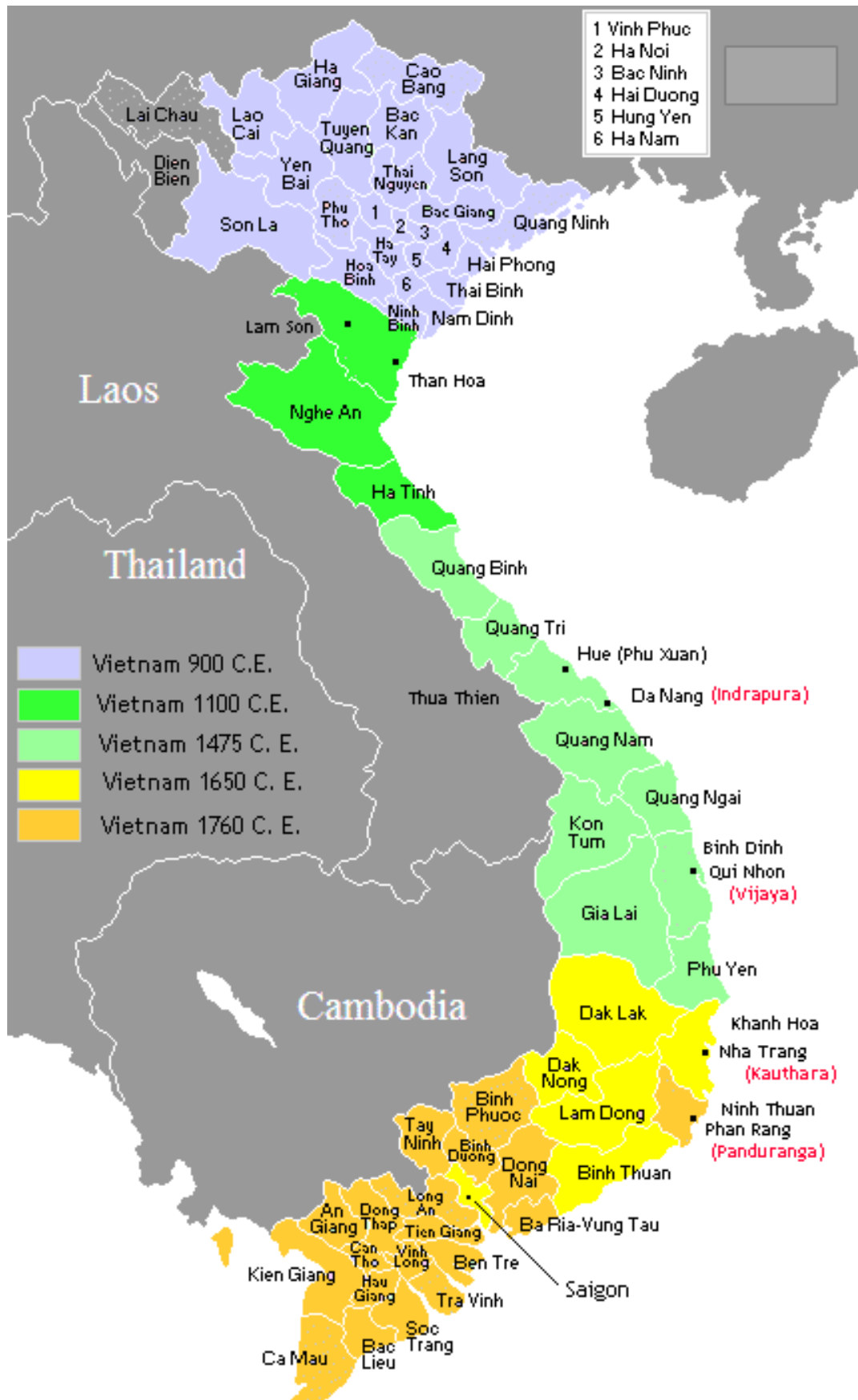
(*) Nguyễn Thiện Giáp : Khái quát về sự hình thành và phát triển của tiếng Việt.

Bản đồ Việt Nam



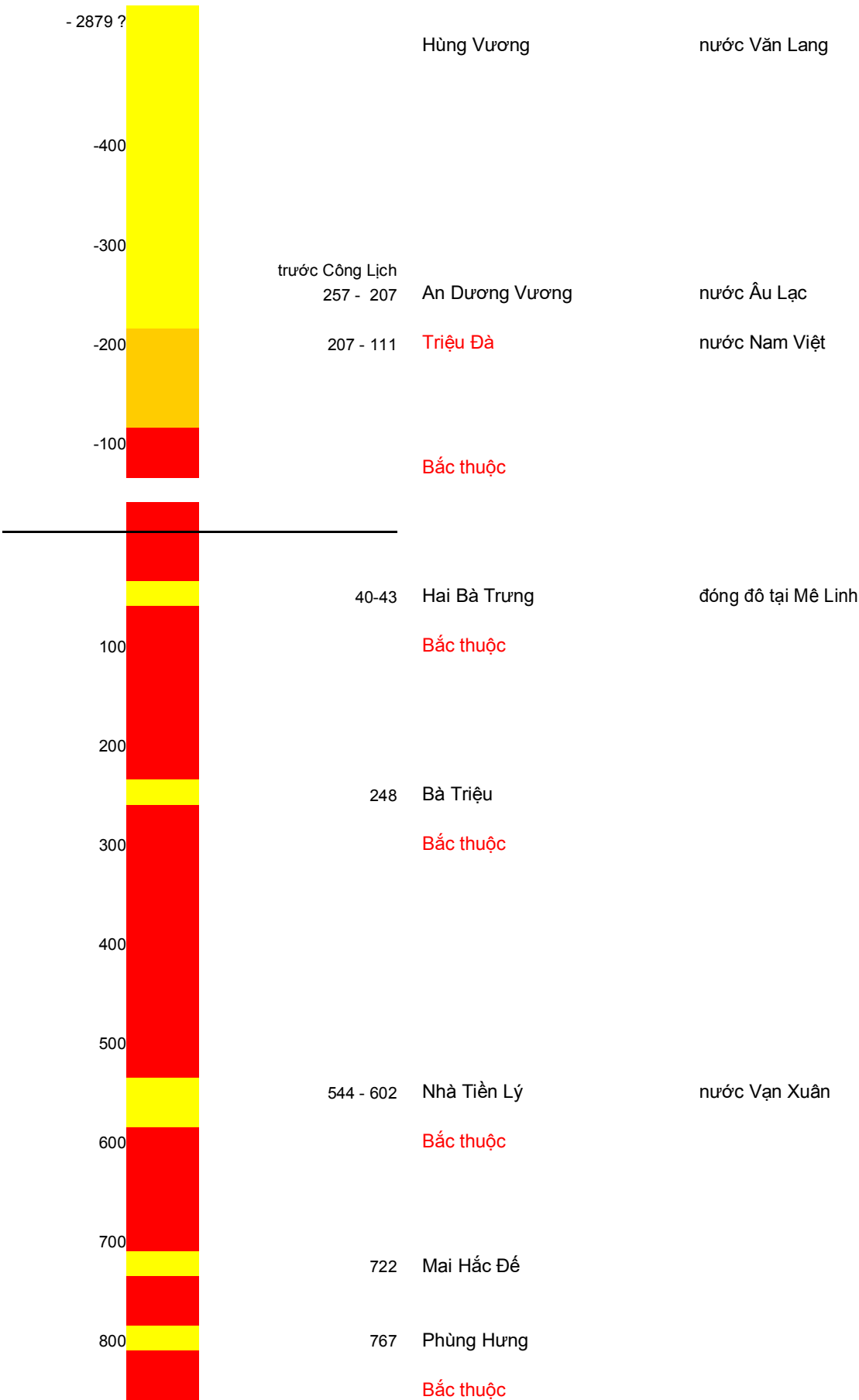
Lịch sử Việt Nam

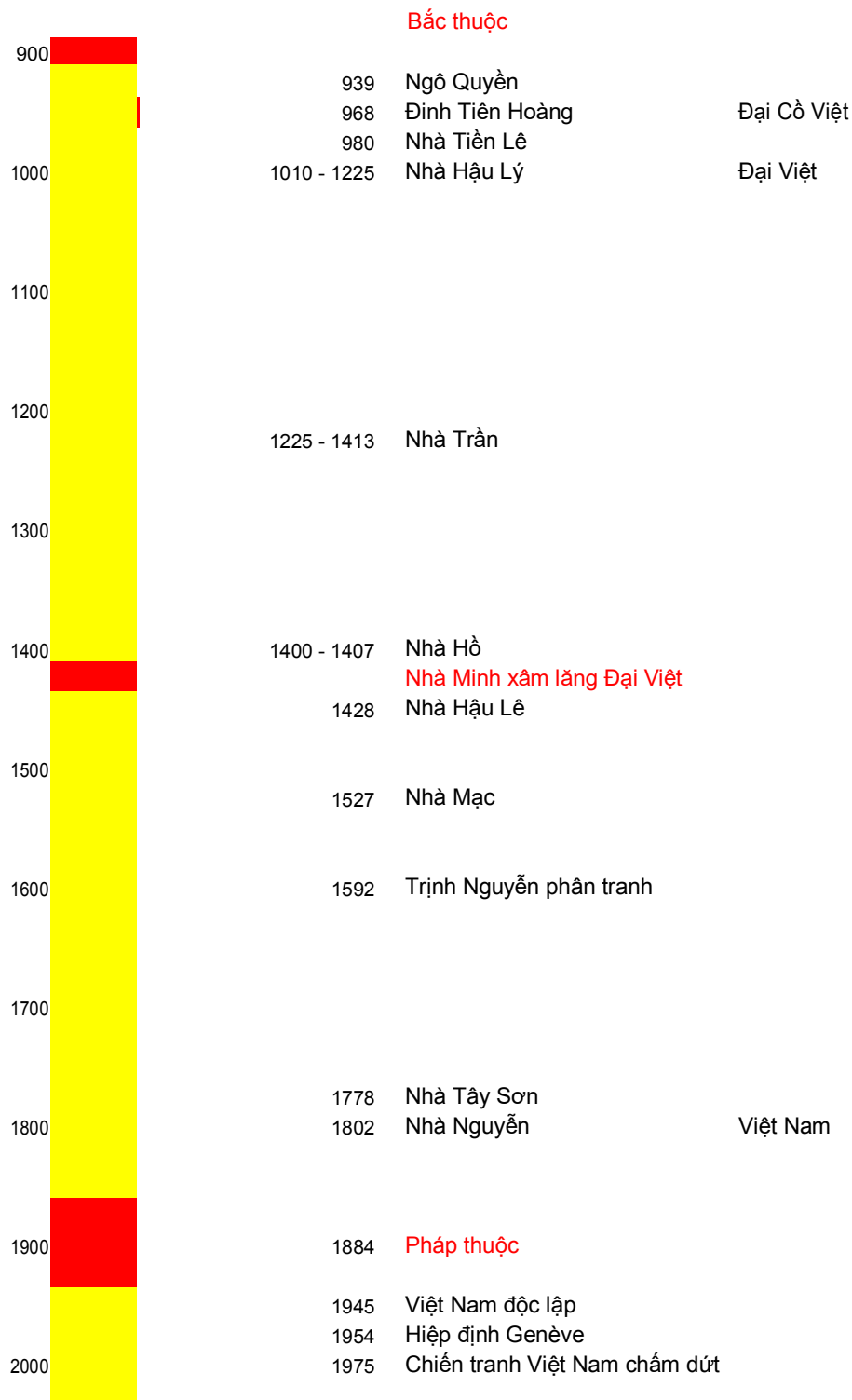
Lãnh thổ Việt Nam qua các triều đại



43

Niên biểu lịch sử Việt Nam





Tóm lược lịch sử Việt Nam

Lịch sử Việt Nam có thể được chia thành 6 giai đoạn :

1- Các vua Hùng dựng nước :

Nước **Văn Lang** bắt đầu cách đây gần 5000 năm (xem bài Trống đồng – di tích văn hoá Lạc Việt).

Thời đó thuộc về huyền sử, vì không có sách sử nào ghi lại, nhưng được dân gian kể lại qua các câu chuyện :

- A. Lạc Long Quân và bà Âu Cơ (Lạc Long Quân là Hùng Vương 2)
- B. sự tích trầu cau (thời Hùng Vương 4 ?)
- C. sự tích bánh chưng – bánh dày (thời Hùng Vương 6)
- D. sự tích quả dưa đỏ (thời Hùng Vương 10)
- E. Sơn Tinh - Thủy Tinh (thời Hùng Vương 18)

2- Từ An Dương Vương tới Hai Bà Trưng :

Sách sử có chép rằng năm 257 trước Công Nguyên, An Dương Vương thay Hùng Vương làm vua, đổi tên nước là **Âu Lạc**.

An Dương Vương xây thành Cổ Loa, làm cung nỏ, bắn tên đầu bịt đồng để giữ nước.

Đến năm 207 trước Công Nguyên thì mất nước vào tay Triệu Đà (xem chuyện Mỵ Châu và Trọng Thủy).

Từ năm 40 đến năm 43, nước ta lại được độc lập nhờ Hai Bà Trưng. Trưng Trắc và Trưng Nhị cũng thuộc dòng dõi Hùng Vương.

3- Một ngàn năm Bắc thuộc :

Thật ra thời kì này kéo dài gần 900 năm. Đó là thời kì nước ta bị Trung Hoa (phương Bắc) đô hộ, bắt đầu năm 43 và kéo dài đến năm 938.

Trong suốt 9 thế kỉ, những cuộc khởi nghĩa thường xuyên, chống lại guồng máy thống trị phương Bắc đã nhắc nhở cho người Việt rằng chúng ta là một dân tộc có nguồn gốc và văn hóa khác người Trung Hoa, chúng ta có một lãnh thổ riêng cần được bảo vệ. Những cuộc khởi nghĩa đó đã hun đúc nên tinh thần tự chủ, lòng yêu nước, tình thương giống nòi, niềm tự hào dân tộc.

Năm 938, Ngô Quyền dùng kế đóng cọc nhọn dưới lòng sông Bạch Đằng đánh tan quân Nam Hán, đã mở ra một thời kì độc lập lâu dài cho nước ta.

4- Các triều đại phong kiến :

Đây là thời gian nước ta được độc lập với các triều đại :

968 980 Đinh : Đinh Bộ Lĩnh cờ lau tập trận

980	1009	Lê	: Lê Đại Hành phá tan quân Tống
1010	1225	Lý	: Lý Thường Kiệt đánh Tống, bình Chiêm
1225	1413	Trần	: Nhà Trần 3 lần đại thắng quân Nguyên
1400	1407	Hồ	: Nhà Hồ mất nước vào tay giặc Minh
1428	1788	Lê	: Lê Lợi đuổi giặc Minh
1527	1667	Mạc	: chúa Trịnh và chúa Nguyễn phò vua Lê đánh nhà Mạc
1778	1802	Tây Sơn	: Nguyễn Huệ đại thắng quân Thanh
1802	1945	Nguyễn	: từ thời này, nước ta mang tên là Việt Nam

5- Thời kì Pháp thuộc :

Từ năm 1886 đến năm 1945, Pháp đô hộ Đông Dương (Indochine) gồm Việt Nam, Lào và Cam-Bốt. Nước ta bị Pháp chia thành Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì.

6- Giai đoạn 1945-1975 :

- ngày 2-9-1945: nước Việt Nam giành được độc lập
- 1945 – 1954 : chiến tranh Việt – Pháp, kết thúc bằng trận đánh Điện Biên Phủ Hiệp định Genève, chia đôi đất nước (lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới) :
 - miền Bắc (thủ đô là Hà Nội) thuộc khối cộng sản
 - miền Nam (thủ đô là Sài Gòn) thuộc khối tự do
- 1954 – 1975: chiến tranh giữa miền Nam (thể chế cộng hòa) và miền Bắc (cộng sản)
- ngày 30-4-1975: cộng sản chiếm miền Nam.

Nước Việt Nam thống nhất, mang tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam để nhớ ơn cha ông chúng ta đã dựng nước và giữ nước.

Mỗi người Việt Nam, dù ở trong nước hoặc ngoài nước đều có bổn phận phát triển đất nước, đem lại tự do hạnh phúc cho toàn dân.

CON SỐ 18 KỶ LẠ DẤU ẤN CỦA TRIỀU ĐẠI HÙNG VƯƠNG TRÊN TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN

Theo « Việt sử toàn thư » của Phạm Văn Sơn và « Việt Nam sử lược » của Trần Trọng Kim, nhà **Hồng Bàng** khởi đầu năm 2879 và kết thúc năm 258 trước Tây lịch, truyền được 18 đời vua. Như vậy nhà Hồng Bàng đã trị vì 2621 năm ? Mỗi đời **Hùng Vương** kéo dài trung bình 140 năm ?



Những di tích đáng kể nhất của thời đại Hùng Vương là các trống đồng Đông Sơn. Theo các nhà khảo cổ, những chiếc trống đồng này, tìm thấy tại vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đã được đúc cách đây 2700 năm đến 2200 năm.

Trên nhiều mặt trống, đếm kĩ số lượng chim trong các vành chim bay - loại chim được nhiều nhà nghiên cứu xem là vật tổ của người Việt cổ - thì mỗi vành có đúng 18 chim ! Một điều rất lí thú là: ở vành chim trên mặt trống Sông Đà tìm được trong mộ t bản Mường thuộc tỉnh Hòa Bình, lúc đầu nghệ nhân sơ ý nên chỉ chia vành ra 17 cung bằng nhau, khi khắc trên khuôn đúc đến hình chim thứ 16 thì chỉ còn lại có một đoạn, vì vậy bắt buộc nghệ nhân phải khắc hai hình chim vào đoạn cuối cùng này cho đủ số 18 chim (xem hình mặt trống Sông Đà - musée Guimet – Paris). Nếu không làm như vậy thì vành chỉ đủ chỗ cho 17 chim thôi.



mặt trống Sông Đà trưng bày tại musée Guimet - Paris

Sự hiện diện của 18 chim vật tổ trên các trống đồng cổ nhất, to nhất, đẹp nhất như trống Ngọc Lũ, trống Sông Đà, trống Khai Hoá ... là dấu ấn cụ thể, là căn cứ vật chất xác nhận tầm quan trọng của con số 18 đối với người Việt cổ thời đại Hùng Vương dựng nước.

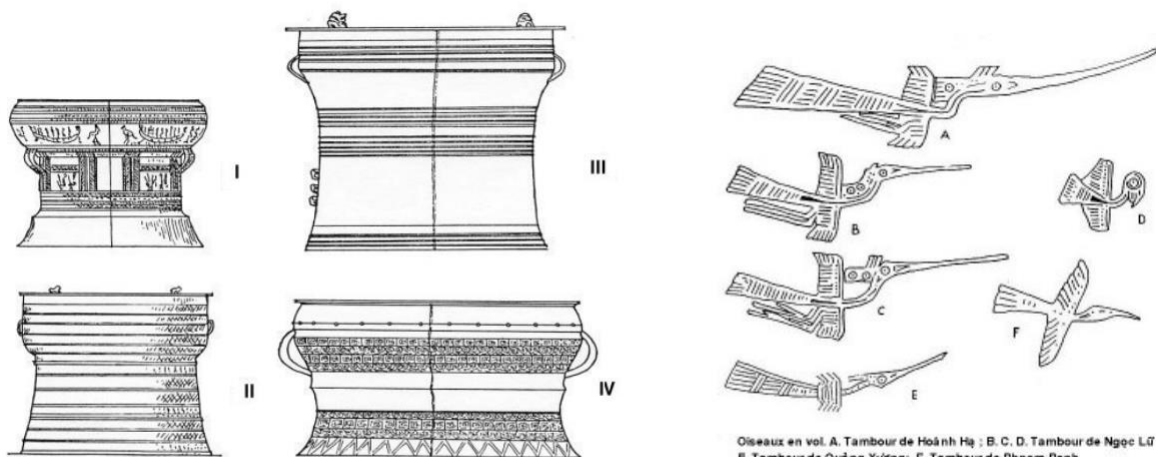
Vì những chiếc trống này đã được đúc trước khi vua Hùng cuối cùng mất nước, 18 hình chim vật tổ trên mặt trống không thể tượng trưng cho 18 đời Hùng Vương mà phải mang một ý nghĩa khác.

Có giả thuyết cho rằng đó là 18 dòng họ đầu tiên kết hợp với nhau trong liên minh bộ lạc **Văn Lang**, lấy tổ hợp bộ lạc Chim - Rồng làm nòng cốt.

Theo ông Phan Duy Kha đăng trên « baotanglichsu.vn » : Một số nhà nghiên cứu giải thích rằng, không phải 18 đời vua mà là 18 ngành, trong mỗi ngành như vậy có đến mấy ông vua "nổi dậy" nhau.

Theo « Việt Nam văn minh sử » của học giả Lê Văn Siêu, mặt trống đồng Ngọc Lũ là một quyển lịch của dân **Lạc Việt**, với chu kì 18 năm (khác với lịch 12 con giáp ta dùng ngày nay). Khi đọc quyển lịch này, người tù trưởng còn biết được quy luật của tuần trăng, của thủy triều để chỉ cho dân chúng làm ruộng hay ra khơi. Để hoàn thành một quyển lịch chính xác như vậy, người Lạc Việt đã phải quan sát thiên nhiên, nghiên cứu và sửa đổi trong một thời gian dài hàng chục, hàng trăm chu kì (100 x 18 = 1800 năm).

Như vậy, người Việt chúng ta tự hào với hơn bốn ngàn năm văn hiến có lẽ cũng không sai.



Các kiểu trống đồng I-II-III-IV

Hình chim trên mặt trống

Trống Ngọc Lũ thuộc kiểu I



Hình thuyền và người trên tang trống

Giải nghĩa :

- Di tích : những gì của thời xưa, còn tồn tại tới ngày nay
- Khảo cổ: nghiên cứu về quá khứ
- Nghiên cứu: suy nghĩ, tìm tòi (recherche)
- Nghệ nhân : người có tài nghệ cao về thủ công mỹ thuật (artisan)

CÂU HỎI :

1. Trống đồng tìm được ở Việt Nam đã được đúc vào thời gian nào, tại đâu ?
2. Trên mặt trống Sông Đà tại viện bảo tàng Guimet (Paris), có đặc điểm gì đáng lưu ý? Từ đặc điểm đó, ta có thể suy ra điều gì ?
3. Con số 18 của thời đại Hùng Vương có thể mang những ý nghĩa gì ?



Nhà Mạc (1527 - 1667) & Nam Bắc triều (1533 – 1592)

Vào đầu thế kỉ XVI, vì các vua nhà Lê yếu kém nên trong nước loạn lạc suốt 20 năm.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung đoạt ngôi vua.

Một số quan lại nhà LÊ chạy sang Tàu, nhờ nhà Minh đem quân đánh Mạc Đăng Dung. Đó là một hành động « cồng rắn cắn gà nhà » thật đáng lên án.

Khi tướng nhà Minh là Mao Bá Ôn gặp quân nhà Mạc tại biên giới, thì trao đổi thư từ để dò xét thái độ nhau.

Mao Bá Ôn xướng bài « Vịnh Cánh Bèo » :

Ruộng nước lênh đênh nhỏ tựa kim
Nơi nơi trông thấy mọc nông màng
Đã không cành cỗi còn không gốc
Dám có rễ mầm lại có tim
Nào biết nơi tan duy biết tụ
Chỉ hay khi nổi nọ hay chìm
Giữa trời giông tố thành linh nổi
Quét bạt ra khơi hết kể tìm.



Đại biểu nhà Mạc là cụ Trạng Giáp Hải đã trả lời:

Vấy gắm khen dày chẳng lọt kim
Lá liền dễ mọc kệ nông màng
Mây bạc không cho soi thủy diện
Ánh hồng đâu dễ rọi ba tâm
Sóng dồn ngàn lớp không xô vỡ
Gió rập muôn cơn khó đánh chìm
Rồng cá ít nhiều nường dưới đó
Cần câu Lã Vọng hết mong chờ.

Với cái đầu đề "Vịnh Cánh Bèo" Mao Bá Ôn đã có ý khinh thị triều Mạc, hẳn Mao muốn ví dân ta mỏng manh như cánh bèo mà Trung Quốc là giông tố giữa trời đánh tan cánh bèo biệt tích như chơi. Mao không ngờ đại biểu của triều Mạc đã trả lời họ một cách hào hùng, ngạo nghễ không kém. Ta có thể nghĩ rằng chính bài thơ họa vản này với hùng khí của nó đã làm cho Trung Quốc hoảng sợ mà chịu bãi binh và tất nhiên Mạc Đăng Dung có mặt ở đó, Trạng Giáp Hải mới dám cương quyết ăn miếng, trả miếng (trích Việt sử toàn thư – Phạm Văn Sơn).

Sau cuộc gặp gỡ này, nhà Minh bãi binh, không đánh nước ta nữa.

Nhà Mạc làm vua, đóng đô tại Thăng Long, gọi là Bắc triều. Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm phò vua Lê ở Thanh Hoá, gọi là Nam triều. Vì thế thời đó có hai vua, gọi là thời Nam Bắc triều.

Đến năm 1592 chúa Trịnh đuổi nhà Mạc, đem vua Lê về Thăng Long, thời Nam Bắc triều chấm dứt.

Con cháu nhà Mạc chạy lên Cao Bằng, Lạng Sơn, còn truyền được tới năm 1667 mới dứt hẳn.

Trịnh Nguyễn Phân Tranh (1627 - 1775)

Đầu thế kỉ XVI, các vua Lê yếu kém, nên trong nước loạn lạc. Năm 1527 Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà LÊ. Lấy cớ **phò trợ** con cháu nhà Lê, Nguyễn Kim cùng hai con trai là Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng, và con rể là Trịnh Kiểm, đánh dẹp nhà Mạc.

Sau khi Nguyễn Kim mất, Trịnh Kiểm sai người giết Nguyễn Uông. Thấy vậy, Nguyễn Hoàng bèn nói với chị xin Trịnh Kiểm cho vào đất Thuận Hóa.

Trịnh Kiểm xưng Chúa rồi lần ạt dần quyền hành của vua nhà Lê. Chúa Trịnh lo tổ chức lại việc cai trị ở miền Bắc Việt Nam như :

- sửa đổi lại luật lệ và bài trừ tham nhũng,
- mở trường võ bị và lo luyện tập binh sĩ,
- sửa đổi lại việc thi cử và cho in sách dùng trong nước,
- khuyến khích việc khai mở, đúc tiền,
- cho người ngoại quốc được vào buôn bán ở **phố Hiến**.

Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa lo gây dựng cơ nghiệp lâu dài và tự xưng chúa. Chúa Nguyễn nhờ giao dịch với người **Bồ Đào Nha** nên đã tu chỉnh về vũ khí như đóng tàu chiến, đúc súng đại bác và xây thành đắp lũy. Ngoài việc chống với chúa Trịnh ở miền Bắc, chúa Nguyễn còn lo mở rộng bờ cõi về phía Nam.

Trong giai đoạn này, hai bên mang quân đánh lẫn nhau nhiều lần lấy sông Gianh làm ranh giới.

Giải nghĩa:

- **Phò trợ:** theo phụ giúp
- **Phổ Hiến:** một nơi mua bán tấp nập ở tỉnh Hưng Yên
- **Bồ Đào Nha** : nước Portugal

Câu hỏi:

- 1- Vì sao Nguyễn Hoàng phải trốn vào Thuận Hoá ?
- 2- Hãy kể những việc làm của các chúa Trịnh ?
- 3- Hãy kể những việc làm của các chúa Nguyễn ?
- 4- Con sông nào chia cắt nước ta vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh ?



Nhà Tây Sơn (1778-1802)

Vào **hậu bán** thế kỉ XVIII, chế độ chúa Nguyễn ở phương nam bắt đầu xuống dốc. Nội bộ chính quyền bị lung củng, các quan **chuyên quyền, tham nhũng**; ngoài xã hội thì mất mùa, đói kém, giặc giã nổi lên tứ tung.

Năm 1771, ở đất Tây Sơn vùng Bình Định, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ nổi lên làm cuộc **khởi nghĩa**. Họ **chủ trương** làm các việc công bằng, thăng tiến, trừ khử bọn quan lại tham ô, những kẻ lưu manh trọc phú và trộm cướp; lấy của người giàu phân phát cho kẻ nghèo. Vì vậy, quân Tây Sơn đã được mọi tầng lớp dân chúng **ủng hộ**, thanh thế càng ngày càng lớn.

Năm 1773, quân Tây Sơn chiếm thành Quy Nhơn, rồi từ đó tiếp tục tiến đánh, chúa Nguyễn chống không nổi phải bỏ chạy vào Gia Định.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn Vương, phong cho Nguyễn Lữ làm Thiếu Phó và Nguyễn Huệ làm Phụ Chính đóng đô ở thành Đồ Bàn. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ tiếp tục tấn công quân Nguyễn ở Gia Định, chúa Nguyễn Ánh phải trốn ra đảo Phú Quốc.

Năm 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi vua lấy hiệu là Thái Đức Hoàng Đế và phong cho Nguyễn Huệ làm Long Nhượng Tướng Quân.

Năm 1784, Nguyễn Ánh chạy sang cầu cứu nước Xiêm La (Thái Lan), quân Xiêm lấy cớ đem 20 000 quân và 300 chiến thuyền sang đánh nước ta. Nguyễn Huệ **nhử** quân Xiêm vào Rạch Gầm và Xoài Mút ở phía trên tỉnh Mỹ Tho bây giờ, **đánh úp** và phá tan được giặc Xiêm. Từ đó quân Xiêm không còn sang phá rối nước ta nữa.

Năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc dẹp tan quân chúa Trịnh và trả lại ngai vàng cho vua Lê. Vua Lê gả Ngọc Hân công chúa cho Nguyễn Huệ.

Cũng trong năm ấy, Nguyễn Nhạc xưng là Trung Ương Hoàng Đế đóng đô ở Quy Nhơn, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương đóng ở Gia Định và Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương đóng ở Thuận Hóa.

Giải nghĩa:

- **Hậu bán** : nửa sau
- **Chuyên quyền** : lấn át quyền hạn của người khác
- **Tham nhũng**: ý có quyền hành để hạch sách, đòi hỏi hối lộ
- **Khởi nghĩa**: nổi dậy lật đổ chế độ cũ thay đổi mới
- **Chủ trương**: có quyết định về hành động nào
- **Ủng hộ** : bằng lòng theo giúp.
- **Nhử** : dùng kế để đưa vào tròng.
- **Đánh úp** : đánh gần và bất ngờ

Câu hỏi:

- 1- Nhà Tây Sơn nổi lên từ nơi nào ?
- 2- Tại sao quân Tây Sơn lại được dân chúng ủng hộ ?

- 3- Tả sơ qua về trận đánh quân Xiêm của Nguyễn Huệ ?
- 4- Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc để làm gì ?
- 5- Nguyễn Huệ được phong chức gì sau khi dẹp tan quân chúa Trịnh trở về ?

Vua Quang Trung (1752-1792) chiến thắng Đống Đa (Kỉ Dậu 1789)

Mượn tiếng giúp vua Lê Chiêu Thống, vua Càn Long nhà Thanh (Trung Hoa) sai Tôn Sĩ Nghị đem 200 000 quân sang chiếm nước ta vào mùa thu năm 1788.

Được tin cấp báo, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ bình tĩnh ra lệnh chuẩn bị chống giặc. Các tướng sĩ yêu cầu ngài hãy lên ngôi vua để thuận lòng dân và **huy trương thanh thế**. Ngài cho đắp đàn ở Bàn Sơn và lên ngôi vua lấy hiệu là Quang Trung Hoàng Đế. Rồi từ Phú Xuân, vua Quang Trung tiến quân ra Bắc, dẹp giặc. Ông có tài **hành quân** chớp nhoáng. Nhà vua cho hợp ba người thành một tổ, rồi lần lượt thay phiên để vớng nhau. Nhờ sự chuyển vận này mà quân lính đi rất nhanh và đỡ cả sự nhọc mệt.

Ngày 20 tháng 12 năm 1788, đại quân đến núi Tam Điệp, vua Quang Trung cho quân sĩ ăn Tết trước và đợi đến hôm 30 tháng Chạp thì tiến quân. Trong 5 ngày, ngài phá tan quân nhà Thanh. Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả **án tín** chạy trốn về Tàu. Gò Đống Đa là mồ chôn hàng **vạn** quân giặc. Hai đạo quân Thanh từ Quý Châu và Vân Nam kéo sang, nghe tin cũng bỏ chạy nốt. Đến trưa mùng 5 Tết Kỉ Dậu (1789), vua Quang Trung thúc voi vào thành Thăng Long và mở tiệc ăn mừng chiến thắng.

Thế là chỉ trong vòng 5 ngày chiến đấu ào ạt, Vua Quang Trung đã **tiêu diệt** 200 000 quân Thanh. Đây là một chiến công oanh liệt đã được xếp vào bậc nhất trong các **vũ công** lớn lao của các danh tướng **cổ kim** trên thế giới.

Năm 1792, vua Quang Trung bị bệnh nặng và qua đời.

Hàng năm vào ngày mùng 5 Tết, dân chúng làm lễ kỉ niệm chiến thắng Đống Đa để ghi nhớ chiến công **hiền hách** của vua Quang Trung.



Giải nghĩa:

- **Huy trương** : nói cho rộng ra, lớn lên
- **Thanh thế** : tiếng tăm, uy danh
- **Hành quân** : di chuyển quân đội từ nơi này đến nơi khác
- **Án tín** : con dấu của vua, quan để làm tin
- **Tiêu diệt** : trừ khử một cách hoàn toàn
- **Vạn** : mười ngàn
- **Vũ công** : thành tích chiến đấu
- **Cổ kim** : cũ và mới, từ xưa đến nay
- **Hiền hách** : rực rỡ, lừng lẫy, tiếng tăm

Câu hỏi:

- 1- Tại sao quân Thanh sang xâm chiếm nước ta ?
- 2- Làm cách nào để quân ta đi nhanh mà đỡ mệt ?
- 3- Tả sơ qua về trận đại phá quân Thanh của vua Quang Trung ?
- 4- Chiến thắng Kỉ Dậu đã được ca ngợi như thế nào ?
- 5- Hàng năm, dân chúng làm lễ kỉ niệm chiến thắng Đống Đa vào ngày nào ?

Nhà Nguyễn (1802-1954)

Năm 1785, sau khi quân Xiêm bị vua Quang Trung đánh bại, Nguyễn Ánh chạy theo sang Xiêm La (Thái Lan) và nhờ giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Behaine) mang con trai là Hoàng Tử Cảnh cùng **quốc ấn, quốc thư** để **giám mục** đại diện kí hiệp ước Versailles ngày 28-11-1787 cầu xin chính phủ Pháp giúp Nguyễn Ánh đánh chiếm lại Việt Nam. Hiệp ước không được thi hành vì Tổng Trấn Pháp ở Ấn Độ chống đối. Thấy vậy, giám mục Bá Đa Lộc về Pháp tuyển mộ lính đánh thuê. Trong thời gian này Nguyễn Ánh trốn về Việt Nam, tuyển binh lính ở Hà Tiên rồi đánh chiếm Long Xuyên, Sa Đéc, Vĩnh Long và thành Gia Định. Năm 1788, giám mục Bá Đa Lộc trở lại với hai tàu chiến và các lính đánh thuê tới Sài Gòn (Sàigòn) với nhiều vũ khí. Tại đây một số võ quan Pháp giúp Nguyễn Ánh cải tổ lại việc binh bị theo lối Tây phương. Sau đó cứ đến mùa gió nồm, Nguyễn Ánh cho thuyền theo gió ra đánh Quy Nhơn, rồi đến mùa gió bắc thì lại rút quân về. Thời đó thường gọi là “giặc mùa”. Sau khi vua Quang Trung mất, thái tử Quang Toản mới 10 tuổi lên nối ngôi. Các quan trong triều bắt đầu chia bè phái, nhờ vậy Nguyễn Ánh chiếm lại được cả nước.

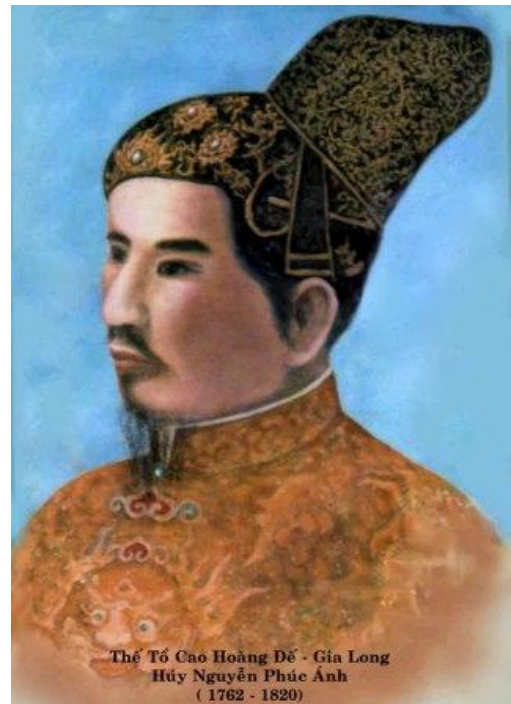
Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy hiệu là Gia Long và đổi tên nước là **Việt Nam**.

Giải nghĩa:

- **Quốc ấn** : con dấu của nhà vua dùng để kí tên.
- **Quốc thư** : thư của người đứng đầu một nước này gửi cho người đứng đầu một nước khác.
- **Giám mục** : chức sắc do Đức iGáo Hoàng phong cho một giáo sĩ đứng đầu trong một địa phận công giáo.
- **Cải tổ**: tổ chức và sửa đổi lại cơ quan chính quyền.

Câu hỏi:

- 1- Nguyễn Ánh nhờ Bá Đa Lộc đại diện mình kí hiệp ước với Pháp để làm gì ?
- 2- Tại sao thời đó người ta gọi quân lính của Nguyễn Ánh là “giặc mùa” ?
- 3- Quân đội của Nguyễn Ánh được tạo nên như thế nào ?
- 4- Nêu ra những quyết định hoặc hoàn cảnh thuận lợi giúp Nguyễn Ánh thành công thống nhất đất nước ?



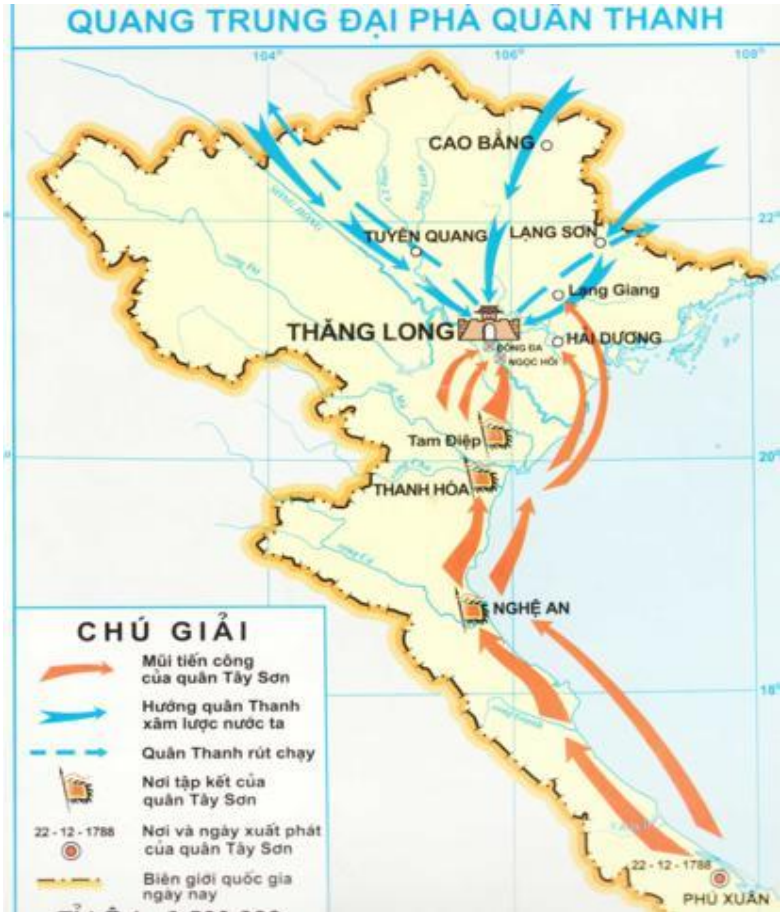
Thế Tổ Cao Hoàng Đế - Gia Long
Húy Nguyễn Phúc Ánh
(1762 - 1820)

Bài tham khảo lịch sử Việt Nam

Vua Quang Trung Đại Phá Quân Thanh

trích Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim

Bắc Bình Vương (Nguyễn Huệ) được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng Long, lập tức hội các tướng sĩ để bàn việc đem binh ra đánh, các tướng đều xin hãy chính ngôi tôn, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh. Bắc Bình Vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn Sơn, ngày 25 tháng mười một năm Mậu Thân (1788), Vương làm lễ lên ngôi Hoàng Đế, rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Ra đến Nghệ An nghỉ lại 10 ngày để kén lấy thêm binh, cả thảy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi. Vua Quang Trung điểm duyệt quân sĩ, truyền dụ nhủ



bảo mọi người phải cố gắng đánh giặc giúp nước. Rồi kéo quân ra Bắc, đến ngày 20 tháng chạp thì đến núi Tam Điệp. Bọn Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhiệm đều ra tạ tội, kể chuyện quân Tàu thế mạnh, sợ đánh không nổi, cho nên phải lui về giữ chỗ hiểm yếu. Vua Quang Trung cười mà nói rằng: "Chúng nó sang phen này là mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyển này thân coi việc quân đánh giữ, đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn gấp 10 nước ta, sau khi chúng thua một trận rồi, tất chúng lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nở thể. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thì Nhiệm dùng lời nói cho khéo để đình chỉ việc chiến tranh. Đợi mười năm nữa, nước ta dưỡng được sức phú cường rồi, thì ta không cần phải sợ chúng nữa." Vua Quang Trung truyền cho tướng sĩ ăn Tết Nguyên Đán trước, để đến hôm trừ tịch thì cất quân đi, định ngày mồng 7 tháng giêng thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Đoạn rồi, truyền lệnh cho ba quân đến nghe lệnh điều khiển. Đại tư mã Sở, Nội Hầu Lân đem tiền quân đi làm tiên phong. Hồ hỏ Hầu đem hậu quân đi đốc chiến. Đại đô đốc Lộc, Đô đốc Tuyết đem hữu quân cùng thủy quân, vượt qua bể vào sông Lục Đầu. Rồi Tuyết thì kinh lược mặt Hải Dương, tiếp ứng đường mé Đông; Lộc thì kéo về vùng Lạng Giang, Phượng Nhỡn, Yên Thế để chặn đường quân Tàu chạy về. Đại đô đốc Bảo, đô đốc Mưu đem tả quân cùng quân tượng mã đi đường núi ra đánh phía

Tây. Mưu thì xuyên ra huyện Chương Đức (nay là Chương Mỹ), tiện đường kéo thẳng đến làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, đánh quân Điền Châu; Bảo thì thống suất quân tượng mã theo đường huyện Sơn Lãng ra làng Đại Áng thuộc huyện Thanh Trì tiếp ứng cho mặt tả. Năm quân được lệnh đều thu xếp đầu đấy, đến hôm khuya trống kéo ra Bắc. Khi quân sang sông Giản Thủy, cánh nghĩa quân của nhà Lê tan vỡ chạy cả. Vua Quang Trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú Xuyên bắt sống hết được toán quân Tàu đóng ở đấy, không một người nào chạy thoát được; vì thế cho nên không có tin báo về, những quân Tàu đóng ở làng Hà Hồi và làng Ngọc Hồi không biết gì cả. Nửa đêm ngày mùng 3 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789) quân vua Quang Trung đến làng Hà Hồi vây kín đồn giặc, rồi bắc loa lên gọi, các quân dạ rầm cả lên, có hàng muôn người. Quân canh đồn bấy giờ mới biết, sợ hãi thất thố, đều xin hàng, bởi thế, lấy được hết cả quân lương và đồ khí giới. Sáng mờ mờ ngày mùng năm, quân Tây Sơn tiến lên đến làng Ngọc Hồi, quân Tàu bắn súng ra như mưa. Vua Quang Trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy rơm cỏ giấp nước quần ở ngoài, rồi sai quân kêu dừng cứ người khiêng một mảnh, mỗi người dắt một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khí giới theo sau. Vua Quang Trung cười voi đi sau đốc chiến, quân An Nam vào đến gần cửa đồn, bỏ ván xuống đất, rút dao ra, xông vào chém, quân đi sau cũng kéo ùa cả vào đánh. Quân Tàu địch không nổi, xôn xao tán loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân Nam thừa thế đánh tràn đi, lấy được các đồn, giết quân Thanh thấy nằm ngổn ngang khắp đồng, máu chảy như thác nước. Quân các đạo khác cũng đều được toàn thắng. Quan nhà Thanh là đề đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tả dực Thượng Duy Thăng đều tử trận cả; quan phủ Điền Châu là Sầm Nghi Đống đóng ở Đống Đa bị quân An Nam vây đánh cũng thất cố mà chết. Tôn Sĩ Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng hốt không kịp thắng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông sang Bắc. Quân các trại nghe tin như thế, xôn xao tan rã chạy trốn, tranh nhau sang cầu, một lát cầu đổ, sa cả xuống sông chết đuối, sông Nhị Hà đầy những thây người chết. Vua Chiêu Thống cũng theo Tôn Sĩ Nghị sang sông cùng với bà Hoàng Thái Hậu và mấy người cận thần chạy sang Tàu. Đạo quân Vân Nam và Quý Châu đóng ở miền Sơn Tây nghe tin Tôn Sĩ Nghị đã thua, cũng rút quân chạy về. Ngày hôm ấy vua Quang Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa thì vào thành Thăng Long, sai tướng đem binh đuổi đánh quân nhà Thanh đến cửa Nam Quan. Những dân Tàu ở gần Lạng Sơn sợ khiếp, đàn ông, đàn bà dắt díu nhau mà chạy, từ cửa ải về mé bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào. Vua Quang Trung vào thành Thăng Long, hạ lệnh chiêu an, phàm những người Tàu trốn tránh ở đâu ra thú tội, đều được cấp cho áo mặc, lương ăn. Lại bắt được cả ấn tín của Tôn Sĩ Nghị bỏ lại, trong những giấy má bắt được có tờ mật dụ của vua Càn Long nói rằng: " Việc quân nên từ hòa, không nên hấp tấp. Hãy nên đưa hịch truyền thanh thế đi t rước, và cho các quan nhà Lê về nước cũ hợp nghĩa binh, tìm tự quân nhà Lê đem ra đứng đầu để đối địch với Nguyễn Huệ, thử xem sự thế thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn Huệ tất phải tháo lui; ta nhân lấy dịp ấy mà sai Tự quân đuổi theo, rồi đại binh của ta theo sau, như thế không khó nhọc mấy nổi mà nên được công to, đó là mẹo hay hơn cả. Ví bằng suốt người trong nước, nửa theo đảng nọ, nửa theo đảng kia, thì Nguyễn Huệ tất không chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang tỏ bảo đường hòa phúc xem nó đối đáp làm sao. Đợi khi nào thủy quân ở Mân, Quảng đi đường bể sang đánh mặt Thuận Hóa và Quảng Nam rồi, bộ binh sẽ tiến lên sau. Nguyễn Huệ trước sau bị địch, thế tất phải

chịu thua. Bấy giờ ta sẽ nhân mà là ơn cho cả hai bên; tự đất Thuận Hóa Quảng Nam trở vào Nam, thì cho Nguyễn Huệ; tự châu Hoan, châu Ái trở ra Bắc thì phong cho Tự quân nhà Lê. Ta đóng đại binh lại để kiềm chế cả hai bên, rồi sẽ có xử trí về sau". Vua Quang Trung đem tờ mật dụ ấy bảo với Ngô Thì Nhiệm rằng: "Ta xem tờ chiếu của vua nhà Thanh chẳng qua cũng muốn mượn tiếng để lấy nước ta đó thôi. Nay đã bị ta đánh thua một trận, tất là lấy làm xấu hổ, chắc không chịu ở yên. Hai nước mà đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng lời nói khéo, để khiến cho khỏi sự binh đao; việc ấy nhờ nhà người chủ trương cho mới được". Ngô Thì Nhiệm vâng lệnh làm thư đại khái nói rằng: "Nước Nam vốn không dám chống cự với đại quốc, nhưng chỉ vì Tôn Sĩ Nghị làm nhỡ việc cho nên phải thua. Vậy nay xin tạ tội và xin giảng hòa." Vua Quang Trung sai sứ đem thư sang Tàu, và lại sai đem những quân nhà Thanh đã bắt được, để ở một nơi, cấp cho lương thực, đợi ngày cho về nước. Xếp đặt mọi việc xong rồi, đem quân về Nam, lưu Ngô Văn Sở và Phan văn Lân ở lại tổng thống các việc quân quốc; còn những việc từ lệnh giao thiệp với nước Tàu thì ủy thác cho Ngô Thì Nhiệm và Phan Huy Ích cho được tự tiện mà khu xử, hễ không có việc gì quan hệ thì bất tất phải đi tâu báo mà làm gì.

Vua Quang Trung cầu hòa với nước Tàu là cốt để đợi ngày có đủ sức mà đánh báo thù, cho nên từ khi trong nước đã dẹp yên rồi, ngày đêm trù tính việc đánh Tàu. Công việc xếp đặt đâu vào đấy rồi, đến năm Nhâm Tý (1792) vua Quang Trung sai sứ sang Tàu, xin cầu hôn và xin trả lại cho Việt Nam đất Lưỡng Quảng. Việc ấy tuy không phải là bản ý nhưng muốn mượn chuyện để thử ý vua nhà Thanh. Không ngờ vua Quang Trung phải bệnh mất, các quan dìm việc cầu hôn và việc xin trả đất đi, không cho Thanh triều biết.

Vua Quang Trung mất năm Nhâm Tý (1792), làm vua được 4 năm, thọ được 40 tuổi, miếu hiệu là Thái Tổ Võ Hoàng Đế.

10 Điều Tâm Niệm Thiếu Nhi

- 1 Thiếu Nhi mỗi sáng dâng ngày,
điểm tô đời sống hương bay nguyện cầu.
- 2 Thiếu Nhi Thánh Thể nhiệm mầu,
tôn sùng rước lễ, nhà châu viếng thăm.
- 3 Thiếu Nhi Thánh Giá Chúa nằm,
nhìn lên phần khởi chuyên cần hy sinh.
- 4 Thiếu Nhi nhờ Mẹ đĩnh ninh,
quyết làm gương sáng xứng danh tông đồ.
- 5 Thiếu Nhi mọi việc nhỏ to,
tinh thần vâng phục chuyên lo đậm đà.
- 6 Thiếu Nhi đảm đảm nét na,
nói năng hành động nôm nà trắng trong.
- 7 Thiếu Nhi bác ái một lòng,
tim luôn quảng đại mới mong giúp người.
- 8 Thiếu Nhi ngay thẳng trọn đời,
nói làm đúng mực người người tin yêu.
- 9 Thiếu Nhi dù khó trăm chiều,
chu toàn bốn phận mọi điều chăm chuyên.
- 10 Thiếu Nhi thực hiện hoa thiêng,
chép ghi mỗi tối cộng biên mỗi tuần.



Phong Trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam tại Pháp
Đoàn Kitô Vua – Paris
